TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI QUYẾT LIỆT CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh sát trùng phòng dịch

Ngày 4/6/2019 Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ký Công điện số 667/CĐ-TTg gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tập trung chỉ đạo, triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi (DTLCP). Nội dung Công điện cụ thể như sau:

Để chủ động triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp phòng, chống bệnh DTLCP trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành trung ương, đặc biệt là cấp ủy đảng và chính quyền các cấp ở địa phương tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Ban Bí thư, Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2019 và các văn bản chỉ đạo khác của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung chỉ đạo, triển khai quyết liệt những nội dung sau:

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp ở địa phương

a. Huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, quyết liệt chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống, dập dịch với phương châm "phòng, chống dịch như chống giặc", "phòng là chính, cơ sở và người dân là chính"; chỉ đạo chính quyền cơ sở, cơ quan chuyên môn các cấp của địa phương tổ chức giám sát chặt chẽ, kịp thời phát hiện, xử lý tiêu hủy lợn bệnh theo đúng hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, hạn chế lây lan dịch bệnh, không để xảy ra ô nhiễm môi trường gây bức xúc cho cộng đồng. Các cấp địa phương từ tỉnh đến huyện, xã, thôn, doanh nghiệp chăn nuôi và hộ gia đình phải có kế hoạch phòng chống dịch phù hợp với tình hình cụ thể.

b. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp trục lợi chính sách hỗ trợ tiêu hủy lợn bệnh, các trường hợp khai không đúng về số lượng và trọng lượng lợn buộc phải tiêu hủy theo quy định.

c. Khẩn trương kiện toàn, củng cố hệ thống thú y các cấp theo đúng quy định của Luật thú y, tăng cường năng lực hệ thống thú y đảm bảo thực thi nhiệm vụ và chủ động tham mưu cho chính quyền cơ sở; chủ động tổ chức giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý lợn bệnh; tổ chức kiểm soát vận chuyển, kiểm soát giết mổ lợn theo đúng quy định.

d. Tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh, sát trùng phòng dịch, không sử dụng thức ăn dư thừa để cho lợn ăn; các trang trại, hộ chăn nuôi lớn không chủ quan, tăng cường hơn nữa các biện pháp an toàn sinh học để bảo vệ đàn lợn, đặc biệt đàn giống để tái đàn sau khi hết dịch.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc các địa phương đẩy mạnh cấu trúc lại ngành chăn nuôi, đa dạng hóa vật nuôi, trước mắt tập trung phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, thủy sản,... để bù đắp thiếu hụt sản phẩm thịt lợn nhằm phục vụ tốt đời sống người dân.

3. Các Bộ, ngành và từng thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống bệnh DTLCP tổ chức các đoàn công tác đến đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện tại các địa phương■

BBT *(gt)*

"KỲ VỌNG HÀ NỘI, THÁI BÌNH LÀ HẠT NHÂN TRONG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẠI GIA SÚC"

Đó là lời phát biểu của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Nguyễn Xuân Cường trong buổi làm việc sáng ngày 02/6/2019 với UBND thành phố Hà Nội tại huyện Ba Vì về chính sách và mô hình phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao của thành phố.

Tham dự buổi làm việc, về phía Bộ Nông nghiệp và PTNT có Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường, Thứ trưởng Phùng Đức Tiến cùng đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ: Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Chăn nuôi, Cục Thú y, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia. Về phía tỉnh Thái Bình có đồng chí Bí thư tỉnh ủy Nguyễn Hồng Diên, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Đặng Trọng Thăng cùng đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, một số sở, ngành và các huyện có liên quan. Về phía thành phố Hà Nội, tiếp và làm việc với Đoàn có Chủ tịch UBND thành phố Nguyễn Đức Chung cùng đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan ban ngành.

Theo Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, toàn thành phố hiện có 14.000 con trâu, hơn 134.000 con bò và là địa phương đầu tiên trong cả nước sản xuất được tinh bò chất lượng cao cung cấp ra thị trường năm 2018. Theo định hướng, đàn bò thủ đô sẽ tăng 100.000 con trong 2 năm tới, thành phố sẽ tập trung mở rộng các mô hình liên kết khép kín trong chăn nuôi từ cung cấp con giống, ứng dụng công nghệ sản xuất thức ăn TMR, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng đến liên kết tiêu thụ sản phẩm để sản xuất giống bò chất lượng, hướng dẫn kỹ thuật đến tiêu thụ sản phẩm. Tại huyện Ba Vì, Hà Nội, từ năm 2010, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã triển khai mô hình "Vỗ béo bò thịt". Mô hình ít bị dịch bệnh mang lại hiệu quả kinh tế cho người nuôi bò và trở thành một nghề cho người dân nơi đây. Đến nay, các chương trình, dự án về cải tạo đàn bò và vỗ béo bò vẫn được triển khai ở nhiều địa phương theo Chương trình Khuyến nông Trung ương và Khuyến nông các địa phương. Qua tham quan mô hình chăn nuôi bò tại xã Minh Châu, đại diện lãnh đạo tỉnh Thái Bình cho biết sẽ hỗ trợ nông dân tỉnh nhà chuyển dần từ nuôi lợn sang nuôi bò bằng cách tạo cơ chế tối đa cho các doanh nghiệp, làm đầu tàu cho chuỗi giá trị thịt bò, nông dân sẽ liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để chuyển đổi sang chăn nuôi đại gia súc và tập trung vào con bò. Đồng chí Bí thư tỉnh ủy Thái Bình đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, thành phố Hà Nội hỗ trợ Thái Bình hoàn thành đề án "Phát triển chăn nuôi đại gia súc theo mô hình chuỗi liên kết". Theo đó, bước đầu thành phố Hà Nội cung cấp các giống bò chất lượng cao cho Thái Bình, còn tỉnh Thái Bình sẽ cung cấp nguồn nguyên liệu, thức ăn cho ngành chăn nuôi của thành phố Hà Nội. Trên cơ sở hợp tác cùng phát triển, hy vọng Thái Bình và Hà Nội sẽ tạo vùng liên kết sản xuất trong phát triển ngành nông nghiệp chất lượng cao nói chung và chăn nuôi đại gia súc nói riêng.

Chăn nuôi đại gia súc là một hướng mới cho người chăn nuôi góp phần giảm áp lực về dịch bệnh cho ngành chăn nuôi lợn

Nhân dịp này, UBND thành phố Hà Nội đã trao tặng 100 con bò giống lai Sind hỗ trợ tỉnh Thái Bình phát triển chăn nuôi đại gia súc.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường nhấn mạnh, với lợi thế về tiềm năng đất đai, hạ tầng nông nghiệp tốt cùng thị trường tiêu thụ rộng mở, Hà Nội và Thái Bình được kỳ vọng là hạt nhân phát triển chăn nuôi đại gia súc nhất là bò hướng thịt. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, khi mà bệnh dịch tả lợn châu Phi đang hoành hành, chăn nuôi đại gia súc là hướng đi mới cho người chăn nuôi nhằm giảm áp lực về dịch bệnh cho ngành chăn nuôi lợn, góp phần cân bằng dinh dưỡng cho người tiêu dùng. Chăn nuôi nói chung, chăn nuôi đại gia súc nói riêng cần phải đáp ứng 3 trụ cột là: Lợi ích kinh tế khai thác tối đa; Đáp ứng sinh kế cho người dân; Đảm bảo yếu tố môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Đây là hướng đi đúng đắn trong phát triển nông nghiệp bền vững và xây dựng nông thôn mới■

PHẠM THANH THỦY
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP CHUYÊN ĐỀ:

* "ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT TRONG KHAI THÁC VÀ BẢO QUẢN SẢN PHẨM TRÊN TÀU KHAI THÁC XA BỜ"

Trong những năm gần đây, lĩnh vực khai thác hải sản được sự quan tâm đặc biệt của Chính phủ và đã có bước phát triển vượt bậc. Từ đội tàu thủ công lạc hậu, đến nay cả nước đã có trên 31.500 tàu cá xa bờ trên tổng số gần 98.000 tàu khai thác thủy sản. Tuy nhiên, nhìn chung lĩnh vực khai thác hải sản vẫn mang nặng tính thủ công, nhiều khâu trong sản xuất vẫn phải sử dụng lao động trực tiếp, năng suất lao động thấp, tổn thất sau thu hoạch lớn. Đứng trước thực trạng đó, trong 2 ngày 18 - 19/6/2019, tại Quảng Ngãi, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Tổng cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @Nông nghiệp với chủ đề "Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong khai thác và bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác xa bờ".

Phát biểu tại diễn đàn, ông Phạm Ngọc Tuấn, Phó Vụ trưởng Vụ Khai thác thủy sản - Tổng cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và PTNT cho biết, hiện nay, hầu hết các tàu cá nước ta đều được đóng bằng gỗ, chỉ có 332 tàu vỏ thép và 115 tàu được đóng bằng vật liệu composite. Do đó, tuổi thọ và độ an toàn của tàu thường thấp, khả năng cơ giới hóa các khâu sản suất trên tàu cũng bị hạn chế. Máy tàu được sử dụng phần lớn là máy cũ hay bị hỏng hóc bất thường, ảnh hưởng đến độ an toàn và hiệu quả chuyến biển. Ngoài ra, trang thiết bị khai thác, bảo quản trên tàu chưa đầy đủ, chưa đạt tiêu chuẩn hoặc chưa được cơ giới hóa nhiều nên hạn chế hiệu quả khai thác và an toàn sản xuất…

Các thiết bị hàng hải với công nghệ tiến tiên được trưng bày, giới thiệu tại Diễn đàn

"Để nâng cao hiệu quả trong khai thác hải sản, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động trên tàu, công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực khai thác hải sản cần đi trước một bước. Trước tiên, tàu thuyền phải được thiết kế hợp lý, vật liệu đóng tàu phải đáp ứng được môi trường làm việc khắc nghiệt, cơ giới hóa các khâu sản xuất, thiết bị bảo quản phải đáp ứng được yêu cầu bảo quản sản phẩm dài ngày trên biển", ông Tuấn khẳng định.

Từ năm 2013 đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và đang triển khai dự án Movimar gắn các thiết bị thu tín hiệu từ vệ tinh cho 3.000 tàu cá. Tàu cá gắn thiết bị này sẽ nhận được thông tin dự báo thời tiết, dự báo ngư trường, hướng dẫn tránh trú bão, các thông tin quan trọng khác từ các cơ quan quản lý thủy sản trong bờ và tự động báo vị trí tàu về bờ 2 giờ/lần.

Tại diễn đàn, nhóm nghiên cứu của Viện Khoa học và công nghệ khai thác thủy sản (Trường Đại học Nha Trang) cho biết, đã ứng dụng phần mềm trong thiết kế vỏ tàu và một số kỹ thuật mới trong thi công, chế tạo tàu vỏ thép, composite đảm bảo tăng độ bền, tiết kiệm vật liệu. Các loại máy móc, thiết bị cơ giới hóa quá trình đánh bắt tiếp tục được ứng dụng, chuyển giao. Một số thiết bị hiện đại như máy dò ngang, ra - đa, máy thông tin liên lạc đa chức năng, máy đo dòng chảy, điện thoại vệ tinh, máy nhận dạng tự động AIS đảm bảo an toàn cho người và tàu trên biển… được lắp đặt trên một số tàu cá hoạt động xa bờ. Kỹ thuật sử dụng ánh sáng màu, đèn ngầm, đèn LED đã bước đầu được nghiên cứu, thử nghiệm nhằm thay thế hệ thống đèn cao áp truyền thống trong các nghề khai thác kết hợp ánh sáng nhằm tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao hiệu quả khai thác.

Đặc biệt, công nghệ bảo quản, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch trên tàu khai thác xa bờ ☞

Ban chủ tọa, ban cố vấn Diễn đàn

đang được các địa phương triển khai đưa vào sử dụng như: Bộ thiết bị làm chết cá nhanh, thiết bị làm lạnh nhanh nước biển đã được ứng dụng trên các tàu câu cá ngừ ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa giúp thân nhiệt cá giảm về nhiệt độ thấp trong thời gian ngắn để giữ chất lượng thịt cá trước khi đưa vào bảo quản bằng nước đá, góp phần giảm tổn thất chất lượng sản phẩm; Hầm bảo quản sản phẩm trên tàu sử dụng vật liệu Polyurethane (PU) bảo quản sản phẩm được dài ngày hơn so với hầm bảo quản truyền thống.

Ông Nguyễn Quốc Chinh, Chủ tịch Nghiệp đoàn Nghề cá An Hải, huyện Lý Sơn cho hay: Ngư dân vẫn đang phải đối mặt với thiên tai địch họa trên biển nên việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong đánh bắt sẽ giúp giảm thiểu rủi ro, thiệt hại. Nghiệp đoàn mong rằng các công ty cần có cơ chế hỗ trợ các nghiệp đoàn nghề cá một số thiết bị hiện đại để ngư dân tiếp cận và từ đó nhân rộng.

Thông qua thảo luận và trao đổi, ban cố vấn đã giải đáp thỏa đáng gần 40 câu hỏi của bà con ngư dân, tập trung vào các nội dung: ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong khai thác và bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác xa bờ; chính sách khuyến khích ngư dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiện đại trên tàu cá, chuyển đổi nghề, vươn khơi bám biển; vấn đề thực thi Luật Thủy sản và quản lý tàu cá, cảng cá...

Ông Kim Văn Tiêu, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề nghị các cơ quan quản lý tăng cường đầu tư xây dựng các cảng biển, khu trú bão...; tăng cường quản lý tàu khai thác xa bờ; tổ chức lại sản xuất theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững.

Các cơ quan nghiên cứu khoa học cần tiếp tục nghiên cứu, cải tiến, đổi mới, sáng tạo các trang thiết bị trên tàu để hạ giá thành sản phẩm, giảm lao động trực tiếp, tăng lợi nhuận cho ngư dân.

Đối với các cơ quan chuyển giao, các trung tâm khuyến nông các tỉnh, hiệp hội, nghiệp đoàn nghề cá… đẩy nhanh việc xây dựng các mô hình khai thác, bảo quản có hiệu quả cao; tiến hành đồng bộ với đào tạo ngư dân theo hướng cầm tay chỉ việc và thông tin tuyên truyền rộng rãi.

Đối với ngư dân, cần mạnh dạn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm trên tàu để nâng cao hiệu quả trong khai thác, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới; chấp hành nghiêm các quy định trong khai thác, không vi phạm pháp luật… góp phần bảo vệ an ninh biển đảo và gỡ thẻ Vàng EU■

THU HẰNG - ÁNH NGUYỆT
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Ngày 25/6, tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp với Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Bình tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @Nông nghiệp với chủ đề "Giải pháp nâng cao hiệu quả việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên vùng gò đồi các tỉnh miền Trung".

Phát biểu khai mạc Diễn đàn, TS. Trần Văn Khởi - Quyền Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã chỉ rõ: Miền Trung có điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế vùng gò đồi, hiện toàn vùng có khoảng 170.000 ha diện tích vùng gò đồi trồng một số loại cây rau màu, cây ăn quả, cây dược liệu, cây công nghiệp... Xác định phát triển kinh tế vùng gò đồi là một trong những chương trình trọng điểm, thời gian qua tại các địa phương đã thực hiện có hiệu quả chương trình tái cơ cấu nông nghiệp và chuyển đổi cây trồng trên vùng gò đồi theo chủ trương của từng tỉnh. Trong đó, có nhiều mô hình chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng như đinh lăng, cà gai leo, sâm Bố Chính... đạt hiệu quả kinh tế cao, bước đầu mang lại nguồn thu nhập trên mỗi đơn vị diện tích chuyển đổi đạt từ 50 - 150 triệu đồng/ha/năm, thu lãi 10 - 15 triệu đồng/ha/vụ. Tuy nhiên, xét về tổng thể, việc chuyển đổi cây trồng vùng gò đồi các tỉnh miền Trung đang gặp nhiều khó khăn, như: công tác quy hoạch manh mún, thiếu tập trung; thị trường tiêu thụ bấp bênh, thiếu sự gắn kết; việc cơ giới hóa nông nghiệp và áp dụng tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế; cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vùng gò đồi chưa thực sự tạo động lực cho người nông dân…

Ông Phan Văn Khoa, Giám đốc Sở Nông nghiệp - PTNT tỉnh Quảng Bình chia sẻ: Tỉnh Quảng Bình có diện tích gò đồi lớn, trước đây chủ yếu phát triển cây cao su mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, khi hiệu quả kinh tế từ cây cao su sụt giảm, tỉnh đã tổ chức nhiều hội thảo định hướng phát triển cây cao su và tìm đối tượng chuyển đổi phù hợp. Hiện tại, vùng gò

* "GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN VÙNG GÒ ĐỒI CÁC TỈNH MIỀN TRUNG"

Ban chủ tọa Diễn đàn

đổi của tỉnh Quảng Bình đã chuyển đổi sang các đối tượng cây trồng khá phù hợp như hồ tiêu, cây dược liệu, cây ăn quả, sắn, lạc, đậu, đỗ... Cùng với nhiều chính sách hỗ trợ cụ thể của tỉnh, hy vọng Diễn đàn lần này sẽ tìm ra được nhiều giải pháp nhằm tạo được sự đột phá trong chuyển đổi cây trồng và phát triển bền vững vùng gò đồi của tỉnh Quảng Bình nói riêng, các tỉnh miền Trung nói chung trong thời gian tới.

Tại Diễn đàn, nhiều câu hỏi liên quan tới: chủ trương, chính sách hỗ trợ nông dân chuyển đổi cây trồng vùng gò đồi; Đối tượng cây trồng phù hợp với vùng gò đồi; Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm và cơ chế; Quy trình kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu... đã được Ban cố vấn, các nhà khoa học giải đáp thỏa đáng.

Theo ông Nguyễn Quốc Mạnh, đại diện Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT: Đối với vùng gò đồi các tỉnh miền Trung, ngoài các cây trồng truyền thống như cao su, hồ tiêu cần giữ ổn định diện tích, có thể phát triển cây có múi, cây dược liệu, cây ăn quả khác. Tuy nhiên, bà con phải đáp ứng được các yêu cầu về trình độ canh tác, kỹ thuật thâm canh; đặc biệt phải đáp ứng được nhu cầu của thị trường chứ không phát triển ồ ạt diện tích, tránh rơi vào tình trạng "rớt giá" do cung vượt cầu.

Kết luận tại Diễn đàn, TS.Trần Văn Khởi lưu ý:

- Các địa phương cần xác định và quy hoạch phát triển cây, con thế mạnh, phù hợp thực địa từng vùng; Đồng thời, có cơ chế, chính sách linh hoạt để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất xây dựng vùng nguyên liệu, liên kết sản xuất với người dân vùng gò đồi; hình thành và vận hành tốt các tổ chức của nông dân vững mạnh như hợp tác xã kiểu mẫu, tổ hợp tác, câu lạc bộ... Cùng với đó, chủ động ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất; thúc đẩy hình thành các chuỗi giá trị như cam, bưởi, chuối, dứa... cũng như đề xuất và thực thi tốt các chính sách của nhà nước cho sản xuất nông nghiệp nói chung và vùng gò đồi nói riêng...

- Đề nghị Trung tâm Khuyến nông các tỉnh tiếp tục tư vấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về nông nghiệp cho người dân địa phương, đặc biệt là những tiến bộ mới trong canh tác vùng gò đồi, đẩy mạnh vai trò là cầu nối giữa nông dân và doanh nghiệp để hình thành các mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; đề xuất với ngành nông nghiệp địa phương bố trí nguồn kinh phí để xây dựng các mô hình, mở lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân, tổ chức các điểm tham quan, học tập, trao đổi tại các mô hình sản xuất hiệu quả; tổng kết đánh giá dự án khuyến nông trung ương về phát triển cây có múi tại vùng Bắc Trung Bộ nhằm khuyến cáo sản xuất đại trà...

Trong khuôn khổ diễn đàn, ngày 24/6, tại huyện Bố Trạch, các đại biểu đã đi tham quan mô hình trồng cam theo hướng VietGAP của ông Bế Văn Mai ở thị trấn Nông trường Việt Trung với quy mô 7 ha trồng các loại cam lòng vàng, V2, đường canh, cam mật; Mô hình trồng sâm Bố Chính của Công ty TNHH Nông nghiệp CNC Tuệ Lâm tại huyện Bố Trạch với quy mô trồng gần 50 ha, giá trị thu nhập đạt 150 - 200 triệu đồng/ha■

NGỌC LAN
Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quảng Bình

Ông Trần Văn Khởi - Q. Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia trao đổi cùng ông Bế Văn Mai chủ mô hình trồng cam theo hướng VietGAP tại huyện Bố Trạch

HỘI THẢO "AN TOÀN SINH HỌC VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHÍA NAM"

Nhằm thông tin diễn biến tình hình dịch tả lợn châu Phi, từ đó đề ra các biện pháp an toàn sinh học và tăng cường công tác truyền thông về giải pháp phòng chống bệnh dịch; ngày 28/6/2019, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Cục Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai tổ chức Hội thảo: "An toàn sinh học và giải pháp phòng chống bệnh dịch tả lợn châu Phi tại các tỉnh, thành phía Nam".

Hội thảo có sự tham dự của 105 đại biểu đến từ 05 tỉnh Đồng Nai, Bình Thuận, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Tiền Giang, đặc biệt trong đó có 40 nông hộ, chủ trang trại chăn nuôi lợn của tỉnh Đồng Nai.

Theo Cục Thú y, tính đến ngày 24/6/2019, bệnh dịch tả lợn châu Phi xảy ra tại 4.420 xã, 463 huyện của 60 tỉnh, thành phố; trong đó có 18/21 các tỉnh phía Nam bị dịch. Tổng số lợn bị bệnh buộc phải tiêu hủy là 2.830.706 con với trọng lượng là 166.312 tấn. Ngoài ra, đã có 363 xã thuộc 141 huyện của 29 tỉnh/thành phố đã qua 30 ngày không phát sinh thêm lợn mắc bệnh. Số lợn mắc bệnh và bị tiêu hủy tại các ổ dịch cũ này là 173.891 con. Thời gian qua, đã có 75 xã thuộc 18 tỉnh có dịch bệnh đã qua 30 ngày nhưng sau đó lại phát sinh lợn bệnh.

Ông Huỳnh Thành Vinh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Nai cho biết, tính đến ngày 20/6/2019, dịch bệnh đã xảy tại 126 hộ/trang trại chăn nuôi lợn thuộc 34 ấp (khu phố) của 22 xã thuộc 06 huyện: Trảng Bom, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Long Thành, Thống Nhất và Tân Phú, 21.261 con lợn đã bị tiêu hủy. Thời gian tới, Sở tiếp tục chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi thú y phối hợp chính quyền địa phương tổ chức hướng dẫn, giám sát chặt chẽ việc tiêu hủy lợn bệnh, chết theo quy định; hướng dẫn công tác tiêu độc sát trùng và các biện pháp an toàn sinh học khác.

Ông Nguyễn Trí Công, Chủ tịch Hiệp hội chăn nuôi Đồng Nai, đưa ra một số giải pháp chính để hạn chế dịch bệnh, đó là: hạn chế nhập khẩu thịt lợn nhằm giảm thiểu tồn dư mầm bệnh trong thịt, kiểm nghiệm chặt chẽ các lô thịt nhập (nếu có) và tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ cho người chăn nuôi khi có dịch bệnh xảy ra, đồng thời, lập đội phản ứng nhanh tại địa phương, chủ động áp dụng các biện pháp phòng và chống dịch bệnh.

Đông đảo các đại biểu tham dự hội thảo

Theo TS. Đào Hà Trung, Chủ tịch Hiệp hội Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, việc triển khai xây dựng phần mềm quản lý đàn vật nuôi, quản lý dịch bệnh là một trong những giải pháp góp phần phòng chống dịch bệnh tả lợn châu Phi tại Việt Nam đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép áp dụng, được triển khai ở các tỉnh/thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đồng Nai và Cà Mau bước đầu đã có những hiệu quả nhất định. Người chăn nuôi khi tham gia chương trình này có 7 lợi ích: Nhận thông tin cần thiết về chăn nuôi và giá sản phẩm, nhận được hỗ trợ chính sách, hỗ trợ tiêu thụ, hỗ trợ thiệt hại nhanh chóng và kỹ thuật khi cần, ưu tiên vận chuyển kiểm dịch giết mổ nhanh chóng, được mua vắc - xin đầy đủ, được cấp giấy phép chăn nuôi nhanh chóng.

Hội thảo đã nhận được 25 câu hỏi của các đại biểu và bà con tập trung vào các chủ đề: an toàn sinh học chăn nuôi, tiêu độc khử trùng, phương pháp tiêu hủy đàn lợn bệnh, vắc - xin phòng bệnh, quản lý nhà nước trong công tác phòng bệnh ....

Tổng kết hội thảo, TS. Hạ Thúy Hạnh, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đề nghị:

- Đối với Chi cục Chăn nuôi Thú y, Trung tâm Khuyến nông các tỉnh: tiếp tục, tăng cường hỗ trợ người dân áp dụng các giải pháp an toàn sinh học tối ưu trong chăn nuôi lợn, đặc biệt ở các trang trại, đảm bảo duy trì đàn lợn, phòng dịch bệnh khu vực liên quan.

- Trung tâm Khuyến nông các tỉnh tiếp tục phối hợp với hệ thống thú y các cấp trong việc phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ tiêu hủy đàn lợn bệnh theo đúng phương pháp hướng dẫn kỹ thuật của cơ quan thú ý. Trong chương trình khuyến nông, ngoài triển khai giải pháp an toàn chăn nuôi lợn, cần mở rộng giải pháp phương thức chăn nuôi an toàn trên đối tượng khác; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo huấn luyện để người dân yên tâm trong vấn đề phòng chống dịch bệnh.

- Đề xuất Cục Chăn nuôi sớm ban hành quy trình an toàn sinh học chăn nuôi nuôi cải tiến hơn nữa để có thể áp dụng chăn nuôi cho từng điều kiện sinh thái, quy mô khác nhau■

NGUYỄN NHUNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

YÊN BÁI: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀN TRÂU, BÒ BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỤ TINH NHÂN TẠO

Phương pháp thụ tinh nhân tạo đã góp phần nâng cao chất lượng đàn trâu, bò trên toàn tỉnh Yên Bái

Thời gian qua, thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi giai đoạn 2016 - 2020, Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi tỉnh Yên Bái đã tập trung vào việc cải tạo, phục tráng, nâng cao chất lượng đàn trâu bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Mục tiêu là đến năm 2020, toàn tỉnh sẽ có trên 15.000 con trâu, bò cái sinh sản được phối các giống tiến bộ có năng suất, chất lượng, góp phần thúc đẩy phát triển ngành chăn nuôi của tỉnh theo hướng hàng hóa.

Phương pháp thụ tinh nhân tạo có ưu điểm là chất lượng con giống được nâng lên rõ rệt, nguồn con giống được kiểm soát, hạn chế tối đa lây lan bệnh tật, khắc phục sự chênh lệch tầm vóc, khối lượng, mang lại những lợi ích thiết thực cho người nông dân, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cho đàn trâu, bò trong toàn tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, các biện pháp kỹ thuật đã được áp dụng như: Sử dụng tinh bò nhóm Zebu thuần phối giống cho đàn bò nội để nâng cao tầm vóc thể trọng của đàn bò; sử dụng tinh bò BBB để phối giống với bò cái lai Zebu để tạo đàn bò thịt; sử dụng tinh trâu nội và tinh trâu Murrah để phối giống cho đàn trâu cái…

Là một trong những hộ được lựa chọn tham gia mô hình "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi bò thịt cao sản F1 BBB, theo hình thức chăn nuôi công nghiệp trong nông hộ tại tỉnh Yên Bái", gia đình ông Trần Văn Chiến tại thôn Chèm, xã Đông An, huyện Văn Yên đã nhận thấy hiệu quả rõ rệt của giống bò lai 3B so với giống bò địa phương mà gia đình ông đã nuôi trước đây. Chỉ sau 11 tháng nuôi, những con bò lai BBB với trọng lượng 150 kg/con đã tăng lên 420 kg/con, có con lên đến 435 kg/con, trung bình mỗi tháng tăng từ 24,5 - 25,9 kg/con. Ông Chiến phấn khởi cho biết: "Giống bò lai BBB dễ nuôi hơn giống bò địa phương, tăng trọng nhanh, ít mắc bệnh. Thức ăn cho bò chủ yếu sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp".

Gia đình ông Hoàng Văn Điện ở thôn Bản Lai, xã Thạch Lương, huyện Văn Chấn hiện có 2 con trâu đang trong độ tuổi sinh sản. Từ năm 2016, được sự hỗ trợ của Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh; gia đình ông đã áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo bằng giống trâu nội đã qua tuyển chọn có thể trạng hơn hẳn các giống trâu khác ở địa phương. Vì vậy, nếu như trâu giống địa phương 1 năm tuổi bán ra thị trường có giá 20 triệu đồng/con thì trâu được lai tạo với giống trâu nội chọn lọc sẽ có giá trên 30 triệu đồng/con.

Ông Hà Văn Nghĩa - Phó Chủ tịch UBND xã Thạch Lương, huyện Văn Chấn cho biết: "Từ khi mô hình cải tạo đàn bò và cải tạo phục tráng đàn trâu bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo được triển khai tại địa phương thì phong trào chăn nuôi đại gia súc của xã đã phát triển mạnh mẽ hơn, số lượng đầu gia súc tăng dần qua các năm. Hiện, toàn xã có gần 1.400 con trâu, bò các loại. Việc áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo không chỉ giúp nâng cao tầm vóc, khối lượng gia súc mà còn là giúp người dân giảm chi phí nuôi, chi phí vận chuyển bò đực đến nơi phối giống, đặc biệt là hạn chế lây lan dịch bệnh tại địa phương".

Là một trong 23 cán bộ dẫn tinh viên của tỉnh tham gia thực hiện Đề án, anh Lê Đức Cường phụ trách công tác thú y tại Thị trấn Nông trường Nghĩa Lộ - huyện Văn Chấn, chia sẻ: "Đối với công tác thụ tinh nhân tạo, để mang lại hiệu quả thì quan trọng nhất là bà con phải theo dõi, phát hiện kịp thời thời kỳ trâu, bò động dục để báo ngay cho dẫn tinh viên biết, chủ động phối giống kịp thời. Chúng tôi, ngoài công tác chuyên môn còn tham gia tuyên truyền hướng dẫn bà con cách chăm sóc, nuôi dưỡng để đàn trâu, bò luôn khỏe mạnh, lớn nhanh, phát huy tối đa hiệu quả của phương pháp thụ tinh nhân tạo".

Từ đầu năm đến nay, Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi tỉnh Yên Bái đã tiến hành phối giống cho trên 3.000 con trâu, bò; trong đó chỉ tính riêng bò đã thực hiện phối giống theo hình thức thụ tinh nhân tạo được trên 2.500 con, tỷ lệ phối đạt trên 90%. Thực tế cho thấy, thành công của chương trình nâng cao chất lượng đàn đại gia súc bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo không chỉ làm thay đổi tập quán chăn nuôi của người dân mà còn tạo điều kiện cho người nông dân tiếp cận, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi■

NGUYỄN THỊ XUÂN
Trung tâm Khuyến nông Yên Bái

KHUYẾN NÔNG LÀO CAI GÓP PHẦN TÍCH CỰC TRONG CÔNG TÁC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Là một tỉnh vùng cao biên giới, hiện có trên 80% dân số sinh sống bằng nghề nông, những năm qua công tác khuyến nông của tỉnh Lào Cai luôn gắn bó mật thiết với bà con nông dân.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, hệ thống khuyến nông không ngừng lớn mạnh cả về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Đến nay, toàn tỉnh có gần 230 cán bộ khuyến nông chuyên trách được tăng cường tới các xã, thị trấn trong toàn tỉnh và trên 500 cộng tác viên khuyến nông thôn bản ở 3 huyện đặc biệt khó khăn. Đội ngũ cán bộ khuyến nông thường xuyên bám sát cơ sở, thông thạo địa bàn, am hiểu tập quán, gắn bó mật thiết với nông dân, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất cũng như khắc phục các khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

Đặc biệt, trong công tác xóa đói giảm nghèo, khuyến nông Lào Cai đã có những đóng góp tích cực, giúp thay đổi tư duy sản xuất của người dân, tăng quyền năng kinh tế cho người phụ nữ. Nhiều mô hình, dự án được chính quyền cơ sở và người dân áp dụng có sức lan tỏa và nhân rộng:

Chương trình phát triển chuỗi gia vị đã có trên 6.000 hộ nông dân tại 66 xã được hưởng lợi, trong đó hơn 4.000 hộ tăng thu nhập từ 15 - 20%, gần 3.000 ha trồng quế được bảo vệ tốt hơn. Người dân xã Nậm Đét, huyện Bắc Hà từ việc chỉ biết trồng và bán quế thô đã thay đổi sang trồng, sơ chế, chế biến nên thu nhập tăng lên.

Thông qua chuỗi giá trị chè đã hỗ trợ trên 3.000 hộ nông dân, trong đó trên 50% là nữ giới thay đổi nhận thức và nâng cao năng lực về sản xuất chè theo hướng VietGAP. Từ 35 ha chè trồng áp dụng VietGAP do dự án hỗ trợ xây dựng, đến nay tại tỉnh đã mở rộng thành vùng chè hàng hóa theo tiêu chuẩn VietGAP trên 1000 ha, góp phần tăng thu nhập cho người trồng chè từ 8 - 10%.

Mô hình chăn nuôi gia cầm là một trong nhiều mô hình có sức lan tỏa và nhân rộng

Ý tưởng khởi nghiệp làm xúc xích của 2 tổ nhóm phụ nữ chăn nuôi lợn thôn Nậm Trì Trong và tổ nhóm Khởi Bung, xã Nậm Đét với sự hỗ trợ kỹ thuật chế biến xúc xích, tiếp cận thị trường, đánh giá phân tích chất lượng sản phẩm… của Trung tâm Khuyến nông Lào Cai được đánh giá mang lại hiệu quả cao. Hiện sản phẩm đã có tem truy suất nguồn gốc, được khách hàng rất ưa chuộng. Bình quân mỗi hộ sản xuất 18 - 22 kg thịt/ngày, tương đương với 23 - 28 kg xúc xích/ngày, sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó tại địa bàn tỉnh Lào Cai và một số tỉnh khác như Hải Phòng, Hải Dương, Hà Nội.

Mô hình ứng dụng quy trình canh tác lúa cải tiến SRI tại xã Tả Phời, thành phố Lào Cai hay mô hình nhân giống hoa địa lan bản địa đã góp phần quan trọng trong nhân rộng vùng sản xuất hàng hóa và tăng thu nhập bền vững cho nông dân xã Tả Phìn nói riêng và huyện Sa Pa nói chung.

Mô hình hỗ trợ Tổ nhóm nông dân dịch vụ cơ giới hóa khâu thu hái chè ở huyện Bảo Yên.

Mô hình Tổ hợp tác/Hợp tác xã Dịch vụ cơ giới hóa trong khâu làm đất hoặc thu hoạch sản phẩm nông nghiệp để giảm chi phí công lao động, nhất là lúc thời vụ, đồng thời tăng hiệu quả sản xuất - đã được đẩy mạnh tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung ở xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng.

Mô hình trồng thâm canh lạc địa phương áp dụng biện pháp che phủ nilon theo hướng VietGAP đã thay đổi tập quán sản xuất của các hộ nông dân xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà. Năng suất cao hơn 9,8 tạ/ha/vụ so với ruộng sản xuất đại trà; thu nhập đạt 55 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn so với ruộng đối chứng gần 20 triệu đồng/ha/vụ…

Những năm qua, công tác Khuyến nông tại tỉnh Lào Cai luôn sát cánh, đồng hành, làm cầu nối chuyển giao kỹ thuật sản xuất, tập huấn đào tạo, xây dựng mô hình trình diễn… góp phần rất tích cực trong việc thay đổi tư duy, nhận thức, cách làm của người dân ở những vùng khó khăn và của đại bộ phận nông dân Lào Cai. Những đóng góp tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo của Khuyến nông Lào Cai đã hỗ trợ đắc lực các địa phương hiện thực thắng lợi các chương trình, đề án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh■

LƯU HÒA
Trung tâm Khuyến nông Lào Cai

HÀ TĨNH: KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU MÔ HÌNH TRỒNG THÂM CANH CÂY CAM ĐẢM BẢO AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Sau hơn 1 năm trồng, cây cam trong mô hình sinh trưởng, phát triển tốt

Được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, năm 2018, Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh đã triển khai mô hình "Trồng thâm canh cam đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm", quy mô 5 ha, tại xã Nam Hương, huyện Thạch Hà và xã Thường Nga, huyện Can Lộc.

Mục tiêu của mô hình là giúp người dân nắm vững quy trình kỹ thuật trồng cam đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển cây cam theo hướng hình thành các vùng sản xuất cam an toàn quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước đưa nghề sản xuất cam tại các vùng quy hoạch trở thành nghề có thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp.

Tham gia mô hình, các hộ nông dân được hỗ trợ 100% cây giống, 50% chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong 2 năm, 75% chi phí thiết bị lắp đặt hệ thống tưới nhỏ giọt, phần còn lại do hộ dân thực hiện mô hình đối ứng. Điểm mới của quy trình kỹ thuật mà mô hình chuyển giao cho các hộ dân là sử dụng giống cây cam chanh bầu to để trồng. Trước khi trồng đắp mô lớn, cao; bón lót phân hữu cơ và phân vi sinh. Khi cây phát triển ổn định, cán bộ kỹ thuật thường xuyên hướng dẫn bà con tỉa cành, tạo tán để dễ chăm sóc và quản lý sâu bệnh; thường xuyên quản lý côn trùng trong vườn cam. Thay vì bón phân hóa học, cán bộ khuyến nông hướng dẫn các hộ dân sử dụng phân sinh học AH Thanh Hà phun định kỳ cho cây và ghi nhật ký đầy đủ quá trình trồng, chăm sóc.

Ấn tượng của chúng tôi khi nhìn vào trang trại rộng trên 4 ha, tại thôn 7, xã Thường Nga, huyện Can Lộc của anh Lê Vạn Hải là một màu xanh mướt của trên 4.000 cây cam chanh đang trong thời kỳ phát triển. Anh cho biết: "Cách trồng truyền thống thường sử dụng chủ yếu phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật nên ảnh hưởng rất lớn đến người sản xuất, người tiêu dùng và môi trường. Trong khi với mô hình này, chúng tôi giảm đến mức tối đa phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hóa học, thay vào đó là tăng cường sử dụng phân hữu cơ vi sinh và chế phẩm sinh học nên tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái".

Do giống cam khi trồng được sử dụng giống bầu to, đảm bảo chất lượng nên cây cam sinh trưởng phát triển tốt, sau hơn một năm, cây bắt đầu cho quả bói. Anh Nguyễn Văn Chiến - hộ tham gia mô hình tại xã Nam Hương, huyện Thạch Hà cho biết: Nhờ áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất thâm canh, từ sử dụng giống, phân bón đến các biện pháp chăm sóc hàng ngày, đặc biệt là áp dụng triệt để quy trình sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, chương trình quản lý dịch hại tổng hợp… nên cây cam sinh trưởng phát triển tốt, sau hơn 1 năm cây đã đạt chiều cao 1,3 m, đường kính gốc đạt 2 - 2,5cm, đặc biệt đã bắt đầu cho lứa quả bói đầu tiên. Bên cạnh đó, việc sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt cho cây cam còn giúp tiết kiệm nước tưới 60% so với phương pháp tưới truyền thống. Đồng thời còn tiết kiệm được thời gian, công lao động, hạn chế rửa trôi, xói mòn đất và ô nhiễm môi trường; khắc phục được tình trạng hạn hán và cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho cây sinh trưởng tốt.

Với việc áp dụng quy trình sản xuất như mô hình đang triển khai sẽ tạo nên vùng sản xuất và sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Mặt khác, trong điều kiện biến đổi khí hậu, nguồn nước đang ngày càng cạn kiệt thì việc áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt vào sản xuất sẽ giúp tiết kiệm nước, tiết kiệm điện, hạn chế tình trạng rửa trôi bề mặt đất. Mô hình từng bước thay đổi tập quán canh tác truyền thống của người nông dân, là giải pháp phát triển bền vững, an toàn cho cây cam chanh Hà Tĩnh. Mô hình thành công sẽ là điểm tham quan học tập cho các hộ dân khác trong vùng, tạo tiền đề cho sản xuất theo hướng hữu cơ trong thời gian tới■

ĐẶNG THỊ THUẬN
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

HIỆU QUẢ CHUYỂN ĐỔI MÙA VỤ VÀ CƠ CẤU SẢN XUẤT VÙNG XÂM NHẬP MẶN TẠI HẬU GIANG

Trong điều kiện diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp, độ mặn tăng cao, kết hợp với nắng nóng kéo dài thì việc chuyển đổi mùa vụ và cơ cấu cây trồng có vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Tại Đồng bằng sông Cửu Long, từ đầu năm 2016 đến nay, khi diện tích canh tác lúa và cây ăn trái bị nhiễm mặn ngày càng tăng thì việc chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng trong vùng có nguy cơ nhiễm mặn là một trong những chủ trương lớn và cấp bách của ngành nông nghiệp Hậu Giang hiện nay.

Theo kế hoạch chuyển đổi diện tích trồng lúa sang cây trồng khác ở vùng có nguy cơ nhiễm mặn của tỉnh Hậu Giang đến năm 2020 là 5.618,5 ha. Trong 2 năm 2017 và 2018, tỉnh Hậu Giang đã chuyển đổi được gần 2.670 ha, trong đó diện tích cây hàng năm là 90 ha và cây lâu năm là 1.290 ha. Theo kế hoạch năm 2019, tỉnh sẽ chuyển đổi 1.800 ha, trong đó có 156,73 ha cây hàng năm và 821,97 ha cây lâu năm.

Đối với diện tích cây lâu năm, tỉnh tập trung chuyển đổi sang nhóm cây ăn trái chủ lực như bưởi, cam, chanh, xoài, mít, mãng cầu xiêm,... Đối với cây hàng năm, chuyển đổi sang các loại cây như ngô, vừng, đậu xanh, rau và đậu các loại,... Trong quá trình triển khai, các cơ quan chuyên môn thực hiện hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, quy trình trồng và chăm sóc các loại cây trồng chuyển đổi ngay từ đầu vụ cho các hộ dân kết hợp xây dựng mô hình trình diễn để đảm bảo việc chuyển đổi đạt hiệu quả cao nhất.

Đối với đất trồng lúa, bố trí mùa vụ hợp lý cho từng vùng, sử dụng đất lúa linh hoạt, giảm diện tích gieo trồng, giảm vụ ở những nơi không có lợi thế sản xuất lúa. Thời gian qua ngành nông nghiệp tỉnh Hậu Giang đã hướng dẫn và khuyến khích nông dân trồng lúa sử dụng giống lúa từ cấp xác nhận trở lên nhằm đảm bảo chất lượng hạt giống. Ưu tiên lựa chọn giống năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng chịu hạn và chống chịu sâu bệnh tốt. Kết quả, toàn tỉnh hiện có trên 2% diện tích sử dụng lúa giống cấp nguyên chủng và trên 75% diện tích sử dụng lúa giống cấp xác nhận. Trong quá trình canh tác, áp dụng các biện pháp "3 giảm 3 tăng", "1 phải 5 giảm", quản lý nước "ngập khô xen kẽ", ứng dụng các nguyên tắc IPM để quản lý dịch hại tổng hợp bằng nhiều biện pháp nhằm hạn chế việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Đồng thời kết nối doanh nghiệp với người sản xuất để cung cấp giống, vật tư, tạo liên kết sản xuất - tiêu thụ khép kín, giúp nông dân yên tâm sản xuất.

Một số mô hình hiệu quả trên vùng có nguy cơ nhiễm mặn

* Mô hình canh tác lúa

Vụ đông xuân 2018 - 2019, Trạm Khuyến nông huyện Long Mỹ đã hỗ trợ nông dân 2 xã Xà Phiên và Thuận Hưng thực hiện 3 mô hình giảm giống lúa với qui mô 95 ha với 73 hộ tham gia. Đối với mô hình sạ thưa, lượng giống là 80 kg/ha; mô hình lúa cấy, lượng giống là 40 kg/ha. Ngoài 03 mô hình sạ thưa, áp dụng tưới ngập khô xen kẽ, việc chuyển cơ cấu từ lúa 3 vụ sang 2 vụ lúa + 1 vụ thủy sản cũng được áp dụng, đối tượng thủy sản nuôi là cá trê vàng.

* Mô hình canh tác cây ăn trái

Điển hình là mô hình trồng mãng cầu xiêm ghép trên gốc bình bát để thích nghi với vùng đất phèn nặng có nguy cơ nhiễm mặn ở huyện Long Mỹ. Với hơn 3.414 ha diện tích trồng cây ăn trái, trong đó diện tích trồng cây mãng cầu xiêm 135,14 ha, diện tích đang cho trái là 70,08 ha. Tham gia mô hình người dân được hỗ trợ kỹ thuật, cây giống, phân bón, lắp đặt hệ thống tưới tiết kiệm nước, thành lập tổ chức Hợp tác xã thu mua sản phẩm. Nhờ đầu ra sản phẩm được bao tiêu với giá ổn định, dao động từ 15.000 - 20.000đồng/kg, năng suất đạt 20 tấn/ha, người dân thu lãi trên 200 triệu đồng/ha/năm, thu nhập cao hơn gấp 7 lần so với trồng lúa. Bên cạnh việc bán trái tươi, người dân còn tự chế biến thêm sản phẩm trà mãng cầu để cung ứng cho thị trường, hiện sản phẩm được người tiêu dùng rất quan tâm, giá bán từ 400.000 - 500.000 đồng/kg.

Ngoài những mô hình trên, tỉnh Hậu Giang còn tham gia Dự án của Viện Nghiên cứu Nông nghiệp quốc tế Úc (ACIAR), nhằm lựa chọn cây trồng thích hợp trong điều kiện nhiễm mặn cũng như ứng dụng các biện pháp canh tác, phương pháp quản lý đất nhiễm mặn■

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HẬU GIANG

BẮC KẠN: HỘI NÔNG DÂN XÃ BÌNH TRUNG VỚI PHONG TRÀO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Mô hình trồng cây chè hoa vàng dưới tán rừng cây bổ để của người dân xã Bình Trung

Trở lại xã nghèo Bình Trung, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn những ngày này, tôi thật sự ấn tượng trước những đổi thay đang diễn ra nơi đây. Những con đường dân sinh vắt ngang lưng chừng đồi, trải dài ra những khu sản xuất, tới những cánh đồng lúa, hoa màu. Ngoài những cây trồng truyền thống, Bình Trung đã phá thế độc canh, phát triển cây dược liệu mở ra cơ hội mới cho bà con người Tày, Mông, Dao... xóa bỏ đời sống tự cung, tự cấp, phát triển kinh tế hàng hóa, chung sức xây dựng nông thôn mới, cuộc sống mới ấm no đang dần hiện hữu ở xã vùng cao này.

Có được thành quả hôm nay là nhờ sự đóng góp không nhỏ của Hội nông dân xã Bình Trung. Thời gian qua, Hội đã chú trọng tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới (NTM). Thông qua những việc làm thiết thực cụ thể, đặc biệt là trong phát triển kinh tế, Hội đã chủ động triển khai các biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ hội viên nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hiệu quả, áp dụng khoa học công nghệ, liên kết sản xuất, góp phần xóa nghèo, nâng cao đời sống cho nông dân, chung sức xây dựng NTM vùng cao Bình Trung ngày một khởi sắc.

Ông Bàn Văn Đức, Chủ tịch Hội Nông dân xã Bình Trung cho biết: "Để giúp nông dân vượt khó, làm giàu, thời gian qua, Hội Nông dân xã chú trọng phát động triển khai phong trào nông dân sản xuất và kinh doanh giỏi, chủ động triển khai các biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ nông dân xóa nghèo bền vững, phát triển kinh tế gia đình: như tín chấp vay vốn, mua phân bón trả chậm, tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức hội thảo, tọa đàm cùng nông dân bàn cách làm giàu, xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế phù hợp hiệu quả; chuyển giao khoa học kỹ thuật... Hội Nông dân xã đã thành lập được hợp tác xã với 14 thành viên tham gia hoạt động trong 8 lĩnh vực trong đó chủ yếu là nuôi lợn rừng và trồng cây dược liệu nhằm liên kết, bảo đảm đầu ra, lợi ích cho nông dân".

Nhờ chú trọng triển khai phong trào nông dân sản xuất và kinh doanh giỏi, Hội đã hỗ trợ, giúp đỡ nông dân phát triển kinh tế, giúp nhiều hội viên thoát nghèo, nhiều hộ vươn lên làm giàu. Năm 2018, qua bình xét có 41 hộ đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất và kinh doanh giỏi các cấp, trong đó cấp tỉnh có 03 hộ, cấp huyện có 14 hộ và cấp xã có 24 hộ.

Do tuyên truyền tốt về Chương trình xây dựng NTM, xã đã có trên 10 hộ hiến đất làm đường liên thôn, trong đó ông Hoàng Văn Giáp ở thôn Vằng Quân hiến gần 500m^2 và ông Nông Văn Tân, thôn Nà Oóc hiến trên 300m^2. Nhờ đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nhiều nội dung trong chương trình xây dựng NTM, từ đó vận động hội viên tích cực thực hiện phong trào bằng cả tinh thần và vật chất để từng bước thực hiện 19 tiêu chí về xây dựng NTM tại địa phương.

Qua đó, Hội Nông dân xã Bình Trung đã vận động và tổ chức nông dân tích cực, nhiệt tình hiến đất, tham gia đóng góp tiền mặt, công lao động xây dựng đường giao thông nội đồng, giao thông nông thôn phục vụ đời sống và sản xuất. Năm 2018, Hội nông dân xã đã huy động cán bộ, hội viên tham gia đóng góp tiền, ngày công để sửa chữa và làm mới được hơn 5 km đường liên thôn và đường vào khu sản xuất, tu sửa 4 công trình thủy lợi, nạo vét 3 km mương đảm bảo nước tưới tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, Hội cũng vận động các gia đình xây dựng lò đốt rác thải theo quy mô hộ gia đình, thu gom, xử lý rác thải đúng nơi quy định; Xây dựng mô hình "sạch nhà tốt ruộng"...

Chia tay Bình Trung, tin tưởng rằng với sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ của chính quyền địa phương; sự đoàn kết, chung sức, chung lòng của người dân toàn xã, phong trào xây dựng nông thôn mới tại địa phương sẽ đạt được nhiều thành công mới■

MINH MẾN
Hội nhà báo tỉnh Bắc Kạn

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI "CÓ MỘT KHÔNG HAI" Ở BẮC GIANG

Xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang trải dài theo con đê sông Thương, có nhiều đồng cỏ tự nhiên, là địa điểm lý tưởng để chăn thả trâu, bò. Nhận thấy điều kiện tự nhiên thuận lợi nên nhiều hộ nông dân nơi đây đã phát triển chăn nuôi trâu, bò.

Chất lượng con giống quyết định thành công

Điển hình cho cách làm này là gia đình anh Thân Văn Tuyến, thôn Sòi, xã Đồng Sơn. Đến nay, anh Tuyến nuôi bò cái sinh sản đã được 10 năm. Đây là nghề chính của gia đình, mỗi năm cho thu nhập trên 130 triệu đồng từ việc bán bê con.

Chúng tôi gặp anh Tuyến tại bãi chăn thả trước cửa nhà, anh vui vẻ cho biết, trước kia gia đình cũng nuôi bò nhưng chủ yếu nuôi giống bò vàng địa phương, bò cái đến kỳ động dục thì phối tinh nhân tạo bằng tinh bò nội. Vì vậy, khối lượng bê sơ sinh nhỏ, chỉ 18 - 20kg/con, bê chậm lớn, nuôi 8 -10 tháng mới bán được, giá chỉ 10 - 12 triệu đồng/con. Từ năm 2014 đến nay, anh được tham gia các khóa tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật của Trạm Khuyến nông thành phố và Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Giang. Đồng thời, anh còn được dẫn tinh viên tư vấn nên đã biết đến các giống bò cao sản siêu thịt như BBB, Charolais. Tuy nhiên, để được tham gia vào dự án cải tạo đàn bò, yêu cầu các hộ chăn nuôi phải có đàn bò cái nền là bò lai Zêbu, khối lượng 250 kg trở lên, vì vậy anh Tuyến quyết định chọn lọc đàn bò cái của gia đình để tham gia chương trình. Hiện nay, gia đình anh luôn duy trì đàn bò cái quy mô từ 11 - 13 con. Cho đàn bò cái phối giống với tinh bò cao sản nhập ngoại, qua theo dõi, anh Tuyến nhận thấy, bê lai sinh ra có ngoại hình đẹp, chân to, tai to, bê con phàm ăn, chóng lớn. Chỉ cần nuôi 5 - 6 tháng đã có thể xuất bán, với giá bán 15 - 16 triệu đồng/con, thậm chí được giá 20 triệu đồng/con bê đực.

Khi được hỏi về khó khăn trong chăn nuôi bò sinh sản, anh Tuyến cho biết, đáng lo nhất là bệnh tụ huyết trùng. Bệnh thường xảy ra vào thời điểm giao mùa, gây chết rất nhanh và tỷ lệ chết cao. Đã có năm, gia đình anh thất thu do có 4 bò mẹ bị chết vì mắc bệnh này. Anh chia sẻ: Để đàn bò sinh trưởng phát triển tốt, phải thường xuyên vệ sinh chuồng trại, định kỳ tẩy uế, tiêu độc khử trùng; phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh thoát nước ở bãi chăn thả và quanh khu vực chăn nuôi để hạn chế sự tồn tại của mầm bệnh trong tự nhiên. Song song với đó là tiêm phòng vắc-xin hàng năm (6 tháng một lần) cho đàn trâu bò để chúng miễn dịch với các mầm bệnh.

Anh Đào Ngọc Anh, dẫn tinh viên thụ tinh nhân tạo trâu, bò trên địa bàn thành phố Bắc Giang cho biết, gia đình anh Tuyến cũng như các hộ chăn nuôi trong thôn đã mạnh dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Xu hướng chăn nuôi bò sinh sản giống bò lai Zêbu như hiện nay đang được các hộ dân trên địa bàn áp dụng. Đặc biệt các hộ tham gia Hội chăn nuôi bò thôn Sòi áp dụng 100% phối tinh bò giống nhập ngoại, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Cách chăn nuôi bò có "một không hai"

Hội chăn nuôi bò tại thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang đã hình thành và hoạt động được 5 năm. Các hộ tham gia Hội sẽ phân công luân phiên nhau chăn bò. Tùy số lượng bò của mỗi gia đình mà số ngày chăn nhiều hay ít. Đây là cách làm hay và độc đáo, giúp tiết kiệm được thời gian, nhân lực; bò chăn theo đàn như vậy sẽ đua nhau gặm cỏ và nhanh lớn hơn so với chăn nuôi nông hộ. Mặt khác, tham gia vào Hội, các hộ còn được học tập kinh nghiệm lẫn nhau. Công tác tiêm phòng cũng sẽ thuận lợi hơn khi các hộ cùng nhau mua vắc- xin và thuê cán bộ thú y tiêm cho đàn bò của cả Hội.

Với cách chăn nuôi bò "có một không hai" này, mô hình Hội chăn nuôi bò của bà con thôn Sòi, xã Đồng Sơn đã được nhiều người tìm đến để học tập. Hy vọng, mô hình này sẽ được nhân rộng ở các địa phương khác trong và ngoài tỉnh, bởi ngoài hiệu quả kinh tế còn tạo ra hiệu quả xã hội, gắn kết cộng đồng■

NGUYỄN THỊ THANH
Trung tâm Khuyến nông Bắc Giang

THU TIỀN TRIỆU MỖI NGÀY TỪ TRỒNG CÂY MĂNG TÂY XANH

Anh Nguyễn Quốc Thái phấn khởi chia sẻ về kinh nghiệm trồng măng tây xanh của gia đình

Chúng tôi có dịp đến thăm mô hình trồng măng tây xanh của anh Nguyễn Quốc Thái, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ vào những ngày đầu năm 2019. Đứng giữa 1 ha (1 ha = 3.600m^2) cây măng tây xanh ngắt với những mầm măng nhú lên mơn mởn, mập mạp, chúng tôi không thể rời mắt. Được biết, mô hình đã mang về cho anh Thái tiền triệu mỗi ngày.

Trước đây gia đình anh chỉ trồng các loại rau màu trên đất bãi nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Đây cũng là lý do chính khiến anh trăn trở, suy nghĩ. Anh chia sẻ, có lần đi ăn cùng người bạn được biết món rau lạ - rau "hoàng đế" măng tây xanh rất giòn và ngon, đặc biệt giá thành món rau này rất cao. Sau bữa đó đã thôi thúc anh Thái tìm hiểu về giống rau "hoàng đế" và mạnh dạn đầu tư xây dựng mô hình trồng măng tây xanh.

Được sự quan tâm, tạo điều kiện của chính quyền địa phương về việc mở rộng diện tích sản xuất và chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả, anh vay vốn ngân hàng để tổ chức sản xuất. Gia đình anh đã đầu tư trồng 1 ha cây măng tây xanh vào cuối năm 2017, hiện đã cho thu hoạch và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Ban đầu, anh tìm đến Học viện Nông nghiệp Việt Nam để mua cây giống, học hỏi kinh nghiệm từ đài, báo và đến công ty chuyên về măng tây để được chuyển giao kỹ thuật. Chi phí đầu tư ban đầu ước tính khoảng 400 triệu đồng/ha để cải tạo đất, mua cây giống, thiết kế hệ thống giàn tưới tự động. Vốn đầu tư ban đầu không nhỏ nhưng chỉ một lần trồng có thể cho thu hoạch 10 năm. Bên cạnh đó, người trồng phải nắm chắc kỹ thuật vì loại cây này đòi hỏi chăm sóc rất công phu, thường xuyên phải cắt tỉa những cành lá già, dọn cỏ. Đặc biệt cần xử lý đất thật kỹ trước khi trồng; chăm sóc, bón phân đúng kỹ thuật để hạn chế sâu bệnh hại. Chú ý phòng trị kịp thời một số đối tượng dịch hại như sâu ăn lá, bọ trĩ, rệp, các bệnh mốc sương, phấn trắng, thối rễ, … Vào mùa mưa, măng tây rất dễ bị một số bệnh hại như thán thư, mốc sương, thối rễ, đốm lá, thối măng … Nên sử dụng các loại thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc và vi sinh nhằm đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cho sản phẩm khi thu hoạch.

Năm đầu, cây măng tây cho năng suất chỉ từ 0,5 - 1 kg măng/sào/ngày, đến năm thứ hai, năng suất măng tăng gấp đôi, trung bình từ 2 kg măng/sào/ngày trở lên. Từ khi trồng đến khi được thu hoạch lứa đầu khoảng 6 - 7 tháng nhưng khi đã cho thu hoạch thì ngày nào cũng có măng để bán. So với các loại cây màu khác, lợi nhuận từ cây măng cao gấp 3 - 4 lần.

Theo anh Thái, vào những tháng mùa đông, măng phát triển chậm, vẫn cho thu hoạch nhưng không nhiều. Khoảng 9 tháng còn lại trong năm, tiết trời ấm, măng cho năng suất cao hơn. Thời điểm này, gia đình anh thu được từ 50 - 60 kg măng/ngày. Với giá bán buôn tại vườn bình quân khoảng 75.000 - 80.000 đồng/kg, vườn măng tây đã mang lại doanh thu tiền triệu mỗi ngày cho gia đình anh. Năm 2018, ước tính lợi nhuận anh thu về khoảng trên 200 triệu đồng. Năm 2019, anh Thái dự định sẽ thầu khoán thêm khoảng 0,5 ha đất bãi để mở rộng diện tích trồng măng tây xanh, đồng thời sẽ tư vấn kỹ thuật cho bà con có nhu cầu trồng măng tây. Anh mong muốn thời gian tới được sự giúp đỡ về xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh, xây dựng nhãn hiệu và chứng nhận nguồn gốc xuất xứ cho sản phẩm măng tây xanh của gia đình.

Măng tây xanh là cây có nhiều tiềm năng phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân. Mô hình của anh Thái khá thành công và đang tự khẳng định tính hiệu quả nên cần được khuyến khích nhân rộng■

LƯU HÒA
Trung tâm Khuyến nông Lào Cai

KIÊN GIANG: NUÔI THỬ NGHIỆM THÀNH CÔNG CÁ CHẠCH LẤU TRONG AO ĐẤT

Cá chạch lấu có thân màu xanh đậm hoặc đen xám

Nhằm đưa vào thử nghiệm đối tượng thủy sản mới, có giá trị kinh tế cao tại địa phương, năm 2018, từ nguồn kinh phí sự nghiệp nông nghiệp của huyện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đã phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện xây dựng chương trình nuôi thử nghiệm cá chạch lấu trong ao đất tại 3 điểm thuộc các xã Vĩnh Thắng, Vĩnh Hòa Hưng Nam và Thới Quản, với mật độ 2 con/m^2, trên diện tích ao 500 m^2 thả 1.000 con giống, kích cỡ 15 cm.

Cá chạch lấu (*Mastacembelus favus*) là loài cá nước ngọt có khả năng sinh sống và phát triển tốt trong môi trường nước ngọt, lợ. Cá có thân màu xanh đậm hoặc đen xám, trên thân có nhiều đốm vàng hình tròn hoặc bầu dục; vây lưng có gai, vây hậu môn và vây ngực có đốm đen nhỏ, không có vây bụng. Cá phân bố ở hầu hết các kênh rạch, ưa sống tại nơi có dòng nước chảy xiết, hàm lượng ôxy hòa tan cao. Khi còn nhỏ, thức ăn chủ yếu của cá là giun, ấu trùng côn trùng, giáp xác nhỏ. Khi lớn, cá ăn côn trùng trưởng thành, tôm, tép, cá nhỏ. Ngoài tự nhiên, tăng trưởng của cá chạch lấu sau 1 năm tuổi có thể đạt 150 - 250 gam/con, dài 18 - 25 cm; sau 2 năm đạt 450 - 500 gam/con, dài 35 - 40 cm.

Ông Huỳnh Văn Thua, nông dân thực hiện mô hình tại ấp Vĩnh Hòa 3, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam cho biết: "Hiện tại cá thả nuôi được 06 tháng, đạt trọng lượng 150 gam/con, phát triển tốt và ít bị hao hụt. Cá chạch lấu là loài dễ nuôi. Trong ao nên chất một số đống chà để cá trú ẩn. Hàng ngày, cho cá ăn bằng thức ăn viên 40% đạm, do cá có tập tính ăn chìm nên thức ăn được ngâm nước, vê thành viên và bỏ trên sàn cách mặt nước 05 cm. Ngoài thức ăn viên, có thể sử dụng tép hoặc cá nhỏ làm thức ăn bổ sung giúp cá mau lớn. Định kỳ thay nước mới, để môi trường nước được trong sạch, tăng cường oxy cho cá". Cá chạch lấu là đối tượng bản địa, thích nghi rộng nhưng để nuôi cá chạch lấu thành công cần chú ý một số giải pháp kỹ thuật sau:

**** Chuẩn bị ao nuôi***

- Ao nuôi có diện tích từ 500 - 1.000 m^2, tát cạn, sên vét hết lớp bùn đáy ao; bón vôi với lượng 7 - 10 kg/100 m^2, phơi đáy ao 2 - 3 ngày, sau đó cấp nước vào ao qua lưới lọc, độ sâu cần đạt 1,2 - 1,5 m.

- Môi trường nước phải đảm bảo các chỉ tiêu: Nhiệt độ nước từ 27 - 32^{0}C, pH từ 7,5 - 8,5, hàm lượng oxy hoà tan lớn hơn 5 mg/l.

- Trong ao cần bố trí một số chà để cá trú ẩn. Sử dụng những loại cây không có tinh dầu như tre, trúc… phơi khô hoặc ống nhựa cắt khúc 30 - 50 cm, bó thành từng bó.

**** Chọn giống, thả giống***

- Nguồn cá giống được mua từ các trại giống có uy tín, là giống sinh sản nhân tạo. Chiều dài cá đạt từ 12 - 15 cm, khỏe mạnh, không bị sây sát, không dị hình dị tật.

- Mật độ thả ao: 2 - 5 con/m^2.

- Khi vận chuyển từ trại giống về đến ao nuôi cá được cho nghỉ ngơi 15 phút, sau đó pha nước muối loãng (100 gam muối + 10 lít nước) tắm cho cá 5 - 10 phút để sát trùng và loại bỏ ký sinh, rồi thả từ từ xuống ao nuôi.

**** Thức ăn và cách cho ăn***

- Trong quá trình nuôi, thức ăn chính là thức ăn dạng viên hàm lượng đạm từ 35% trở lên. Ngoài ra để tăng tính bắt mồi cho cá, bà con có thể phối trộn thêm vào thức ăn cá biển loại bỏ xương hấp chín, viên thành viên lớn thả vào sàn ăn.

- Khẩu phần ăn cho cá:

Tháng tuổi	Khẩu phần ăn (%trọng lượng thân)
1 - 3 4 - 6 6 đến thu hoạch	5 - 7 3 - 5 2 - 3

- Cách cho ăn: Hàng ngày cho cá ăn 2 lần vào lúc 8 giờ và 17 giờ. Thức ăn được cho vào sàn và đặt gần đống chà nơi cá trú ẩn.

**** Chăm sóc, quản lý***

- Theo dõi đánh giá hàng ngày các chỉ tiêu môi trường nước, đảm bảo điều kiện tối thiểu cho cá phát triển: pH từ 7,5 - 8,5; độ trong 30 - 40 cm; nước màu xanh đọt chuối, oxy > 5 mg/l.

- Hàng ngày tiến hành kiểm tra ao vào buổi sáng, quan sát hoạt động của cá và màu nước ao nuôi, phát hiện kịp thời các hiện tượng bất thường của cá và môi trường để có biện pháp xử lý thích hợp.

- Bổ sung vitamin C và men tiêu hóa vào thức ăn để tăng cường sức đề kháng cho cá, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.

- Nên thay nước thường xuyên hoặc thay nước định kỳ để giữ cho môi trường ao nuôi trong sạch, nhằm tăng lượng oxy hòa tan, giúp cá tăng trọng nhanh và ổn định■

NGUYỄN THANH NHANH
Trạm Khuyến nông huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

HẢI DƯƠNG: LÀM GIÀU TỪ TRỒNG RAU QUẢ HỮU CƠ

Nhiều năm gắn bó với đồng ruộng, nông dân Nguyễn Văn Thuấn ở Bạch Đằng - Kinh Môn - Hải Dương đã thành công trong việc ứng dụng công nghệ cao để sản xuất rau, quả hữu cơ.

Vốn xuất thân từ một miền quê trù phú với bờ xôi ruộng mật, anh Thuấn luôn ấp ủ và quyết tâm làm giàu bằng sản xuất nông nghiệp ngay từ thuở còn là chàng thanh niên mười chín, đôi mươi. Với hơn 2 ha (1 ha = 3.600 $m^{2)}$ diện tích ruộng đất, anh quyết định sản xuất đa canh theo hướng hữu cơ. Bởi anh thấy, ở nông thôn hay thành phố, nông sản ngày càng bị ô nhiễm đến mức báo động. Sản xuất nông sản hữu cơ với anh sẽ là một hướng đi mới, sẽ có tương lai rộng mở vì thị trường đang khan hiếm.

Với 1 ha thanh long ruột đỏ, từ nhiều năm nay, khi tham gia đề tài của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương, anh Thuấn đã mạnh dạn chuyển từ sản xuất thông thường sang sản xuất hữu cơ. Anh sử dụng phân chuồng ủ trấu hoai mục có bổ sung các chế phẩm vi sinh để bón định kì cho vườn cây thanh long. Trong quá trình sản xuất, không sử dụng phân, thuốc trừ sâu hóa học hay thuốc kích thích ra hoa, to quả. Lúc đầu, anh và gia đình thấy còn nhiều khó khăn, bỡ ngỡ, thậm chí là hoang mang, lo lắng vì không biết rồi sẽ ra sao. Tuy nhiên, vừa làm, vừa tìm tòi học hỏi các chuyên gia trong ngành, tham dự các lớp đào tạo nghề cho nông dân, tìm hiểu thông tin, kĩ thuật trên internet… dần dần, anh cũng thấy vững tin hơn khi có sự trợ giúp của các ngành, cơ quan chuyên môn, thấy được thành quả từ các nhà vườn nơi khác làm trước mình đã thành công. Vì vậy, anh đôn đốc, động viên mọi người trong gia đình yên tâm sản xuất. Mặt khác, anh tự nghiên cứu tìm đầu ra cho sản phẩm của gia đình. Anh đến các trung tâm xúc tiến thương mại, các hội chợ, triển lãm nông sản ở những thành phố lớn, kết nối với các hệ thống cung ứng nông sản cho siêu thị, nhà hàng… Nhờ sự kiên trì, quyết tâm và năng động, hiện nay, vườn thanh long hữu cơ của gia đình anh mỗi năm xuất bán ra thị trường gần 70 tấn quả tại chuỗi cửa hàng nông nghiệp sạch.

Anh cho biết: Thanh long vốn là cây trồng ưa đất vùng đồi cao ráo lại ít bị nhiễm sâu bệnh hơn các cây ăn quả khác do sức đề kháng tốt, cây chỉ nhiễm một số bệnh, ít khi bị sâu hại. Bởi thế, chuyển thanh long sang sản xuất hữu cơ sẽ dễ thắng lợi hơn khi trồng các cây ăn quả khác. Vườn thanh long nhà anh tuy cho quả không to, mẫu mã không bắt mắt như sản xuất thông thường nhưng bù lại thì cây rất bền, sinh trưởng khỏe, không bị ảnh hưởng bởi thời tiết bất lợi. Trong khi đó các vườn thanh long khác do lạm dụng nhiều chất kích hoa, kích quả mà dễ bị hư hỏng, thậm chí là chết cây.

Quả thanh long được sản xuất hữu cơ có nhiều ưu điểm về chất lượng: Vỏ mỏng, đỏ tự nhiên; thịt quả ngọt đặc trưng, thơm mát. Quả khi chín có thể giữ được 7 - 10 ngày mà chất lượng không thay đổi. Rõ ràng sự khác biệt trong khâu chăm sóc đã tạo ra được nông sản đạt chất lượng. Nhiều doanh nghiệp ☞

tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh… đã kí hợp đồng bao tiêu sản phẩm thanh long hữu cơ của gia đình anh. Với giá bán trong nhiều năm gần đây dao động từ 18.000 - 25.000 đồng/kg quả, sau khi trừ chi phí, mỗi năm, anh thu lãi khoảng 650 triệu đồng. Năm 2018, mô hình thanh long hữu cơ của gia đình anh đã được Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản Hải Dương cấp giấy chứng nhận đảm bảo quy chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Quả thanh long đã được dán tem truy xuất nguồn gốc, tạo uy tín trên thị trường.

Thành công từ mô hình trồng thanh long sạch đã giúp anh Thuấn trở thành triệu phú nông dân trên chính mảnh vườn, thửa ruộng của gia đình mình. Không dừng lại ở việc sản xuất thanh long hữu cơ, năm 2016, anh tình cờ biết được qua mạng, người Israel đã sản xuất rau quả rất thành công trong nhà kính khi mà họ không hề gặp thuận lợi về khí hậu, đất đai, nguồn nước. Anh lại mày mò, học hỏi về kĩ thuật và xây dựng nhà màng, nhà lưới để sản xuất rau màu trái vụ. Lúc đầu anh đầu tư xây dựng nhà lưới và đưa cây dưa lê vào trồng thử nghiệm. Thấy dưa lê trong nhà lưới phát triển tốt, dễ chăm sóc hơn so với ngoài đồng ruộng anh lại mạnh dạn xây dựng nhà kính với quy mô lớn trên 1.500m^2.

Anh bố trí dưới ao nuôi ốc nhồi, trên mặt ao đặt giá thể trồng mướp đắng, dâu tây. Diện tích trên bờ trồng các cây rau màu ngắn ngày. Đúng như những gì anh Thuấn kì vọng, được sản xuất trong nhà kính, tránh được những tác nhân gây hại của thời tiết, sâu bệnh nên các loài vật nuôi, cây trồng phát triển thuận lợi hơn. Sau khoảng hai tháng, trên diện tích 1.500m^2 trồng rau công nghệ cao, anh thu về trên 40 triệu đồng, trừ chi phí sản xuất anh có lãi trên 30 triệu đồng. Theo anh Thuấn, mô hình nhà kính có nhiều ưu điểm như: Đảm bảo ánh sáng, tránh được rủi ro của thời tiết, sâu bệnh gây ra như mưa, nắng, rét, côn trùng tấn công.

Mặt khác, hệ thống tưới nhỏ giọt tự động sẽ đảm bảo cho cây không thừa mà cũng chẳng thiếu nước, sinh trưởng và phát triển thuận lợi cho nên năng suất, chất lượng cao.

Ông Trần Văn Tặng - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bạch Đằng cho biết, mô hình sản xuất thanh long hữu cơ của anh Thuấn là mô hình điểm của địa phương, là địa chỉ tin cậy của người dân địa phương và người tiêu dùng nhiều nơi. Thời gian tới, địa phương sẽ định hướng bà con nhân rộng cách làm này, tiến tới xây dựng thương hiệu riêng cho cây thanh long Bạch Đằng - Kinh Môn.

Với niềm đam mê trong sản xuất nông nghiệp, dám nghĩ, dám làm, anh Nguyễn Văn Thuấn đã thành công trên con đường phát triển kinh tế, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Mô hình này của anh Nguyễn Văn Thuấn đáng được tham quan học tập và biểu dương■

TRẦN THỊ LIÊN
Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT NUÔI CÁ THEO HÌNH THỨC "SÔNG TRONG AO"

Thực hiện Đề án tái cơ cấu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đồng thời đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao sản lượng, chất lượng và hiệu quả cho người nông dân. Việc ứng dụng kỹ thuật để nuôi cá "Sông trong ao" đã thực hiện được các mục tiêu đó. Hiện nay nuôi cá theo hình thức "Sông trong ao" đã được áp dụng ở nhiều tỉnh thành ở phía Bắc, nhiều nhất là Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nội... Sở dĩ gọi là "Sông trong ao" là tạo dòng nước chảy liên tục trong suốt quá trình nuôi (chảy như sông ở trong ao), mục đích làm cho nước luôn đủ ô xy cung cấp cho cá. Do nhiều bạn đọc quan tâm hỏi về vấn đề này, chúng tôi xin hướng dẫn tóm tắt quy trình nuôi cá theo hình thức này để ban đọc tham khảo.

1. Điều kiện để nuôi cá theo hình thức "Sông trong ao"

Diện tích nuôi phù hợp cho công tác quản lý từ 7000 - 20.000m^2 và độ sâu 2 - 2,5m; có điện 3 pha hoặc máy phát điện; nhân sự quản lý phải có trình độ và được đào tạo; đầu tư đồng bộ các thiết bị ngay từ đầu.

2. Lợi ích khi áp dụng

Tăng năng suất; tăng chất lượng; bảo vệ môi trường, hạn chế dịch bệnh; tiết kiệm chi phí đánh bắt, hạ giá thành sản phẩm.

3. Diện tích bể xây

Nếu ao có diện tích là 10.000 m^2 có thể xây 3 bể, mỗi bể 100 m^2 (dài 20 m, rộng 5 m). Nguyên lý hoạt động, lắp các máy thổi khí đầu bể để tạo dòng chảy liên tục về phía cuối bể, cuối bể có tường chắn để giữ phân cá và có hệ thống hút phân hoạt động để đưa phân cá ra ngoài nhằm hạn chế ô nhiễm nước. Bên ngoài bể thả thêm cá mè hoa để ăn phù du giúp lọc nước sạch hơn. Trong quá trình nuôi không cần thay nước, chỉ bổ sung lượng nước bốc hơi, cùng không cần phải tháo cạn ao để vét bùn, khử trùng, phơi khô khi kết thúc vụ nuôi.

Kích thước ao quy định kích thước bể. Điều quan trọng là tính toán một cách chính xác thể tích nước trong ao (dài x rộng x sâu), lưu ý rằng độ sâu của ao không đồng đều. Một khi đã xác định được thể tích thực sự của ao, lúc đó chúng ta bắt đầu tính toán thể tích của bể và sẽ xây bao nhiêu bể .Tỷ lệ thể tích bể tương ứng 2,5% thể tích ao. Hai đầu bể có lưới chắn để cá không ra ngoài ao. Sau khi hoàn thành lắp đặt các thiết bị, tiến hành thau rửa và vận hành thử, nếu thiết bị hoạt động tốt, cho nước vào và tiến hành thả cá.

4. Thả cá

Để tối ưu hóa sản lượng và tái đầu tư ta cần tính toán chính xác cơ cấu cá thả trong mỗi bể, nên chọn cá cỡ giống lớn. Đối tượng nuôi thường nuôi đơn, các loại cá có thể nuôi: cá chép, cá trắm, cá diêu hồng, cá rô phi, cá lăng, cá trắm đen...; cần lưu ý, tối đa hóa sinh khối cho một bể nuôi tiêu chuẩn (200 m^3 máng trong ao 10.000 m^3 ao) là: Sản lượng thu được từ 15 tấn - 20 tấn/bể/vụ.

5. Lời khuyên đối với bà con xây dựng mô hình

- Tham quan học tập trước khi triển khai.

- Chuẩn bị đủ vật chất (đất, vốn) và kỹ thuật, kinh nghiệm cộng với lòng nhiệt tình, say mê.

- Làm từ nhỏ đến lớn, khi có kỹ thuật kinh nghiệm mới mở rộng.

- Ghi chép sổ nhật ký hàng ngày để hạnh toán hiệu quả kinh tế, truy xuất nguồn gốc và rút kinh nghiệm cho vụ sau.

- Không có mô hình hoàn hảo nên phải chủ động, sáng tạo cho phù hợp với điều kiện của mình

Trên đây là quy trình nuôi cá theo hình thức "Sông trong ao" và kinh nghiệm xây dựng mô hình để bà con tham khảo. Xin kính chúc bà con thành công

Để biết thêm thông tin bà con liên hệ số điện thoại Phòng Khuyến ngư - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia: 0243.7719214■

KIM VĂN TIÊU
PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Mô phỏng 2 bể xây trên một ao

ỨNG DỤNG VẬT LIỆU POLYURETHANE (PU FOAM) THI CÔNG HẦM BẢO QUẢN SẢN PHẨM TRÊN TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Do đặc thù của nghề, tàu khai thác hải sản xa bờ thường đánh bắt ở những ngư trường cách xa bờ từ 1 - 4 ngày, sản phẩm đánh bắt được phải bảo quản dài ngày trên tàu. Để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả chuyến biển, ngư dân thường kéo dài thời gian bám biển. Hiện nay nhiều tàu cá xa bờ có chuyến biển kéo dài từ 2 - 3 tháng. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để các tàu cá có được công nghệ bảo quản sản phẩm tốt, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, giảm tổn thất sau thu hoạch. Để đáp ứng được yêu cầu này, việc ứng dụng công nghệ đóng hầm bảo quản bằng vật liệu Polyurethane (PU foam) đã đáp ứng các yêu cầu đặt ra đồng thời phù hợp với điều kiện sản xuất và phương tiện tàu thuyền nghề cá của nước ta.

1. Giới thiệu về vật liệu Polyurehthane (PU foam) và vật liệu composite

* Vật liệu PU Foam là nhựa tổng hợp dạng bọt cứng, được tạo thành từ hai loại chất lỏng chính là: Polyol và hỗn hợp các chất polymethylene, polyphenyl, Isocyanate. Hai chất lỏng này nếu được phối trộn theo một tỷ lệ nhất định nhờ một thiết bị chuyên dụng sẽ giãn nở tạo thành chất foam cách nhiệt rất tốt.

Vật liệu PU foam được ứng dụng trong công nghệ lạnh như tấm panel kho lạnh, bảo ôn các hầm lạnh, nhà máy bia, các bồn và đường ống lạnh…

Tỉ trọng: 22 - 200kg/m^3 (dùng trong tàu cá tỷ trọng từ 55 - 65 kg/m^3).

Khả năng chịu nhiệt: - 60^{o}C đến 80^{o}C.

Hệ số dẫn nhiệt: 0,019 - 0,023 W/m.k.

Chịu nén cao: 180 - 250 Kpa.

Tính thấm nước: < 3%.

Tuổi thọ từ 15 - 30 năm.

PU foam là vật liệu khó cháy (cháy tự tắt).

* Vật liệu composite: Với các tính năng bền cơ học và hóa học, giá thành phải chăng, vật liệu composite đã nhanh chóng được ứng dụng rộng rãi trong nghề đóng tàu khai thác hải sản xa bờ và đã từng bước thay thế vật liệu Inox và gỗ do giá thành composite rẻ hơn và bền hơn. Composite là loại vật liệu nhựa có cốt sợi thủy tinh chịu được sự ăn mòn của nước biển, hóa chất, a xít, dầu và rất nhiều loại hóa chất khác. Mặc dù composite là vật liệu đã có từ lâu, nhưng ngành khoa học về vật liệu composite chỉ mới hình thành gắn với sự xuất hiện trong công nghệ chế tạo tên lửa ở Mỹ từ những năm 1950. Từ đó đến nay, khoa học công nghệ vật liệu composite đã phát triển trên toàn thế giới và có thuật ngữ "vật liệu mới" đồng nghĩa với "vật liệu composite".

Composite dùng trong hầm bảo quản tàu cá với 2 thành phần chính là nhựa và cốt sợi thủy tinh: Nhựa Polyeste và nhóm nhựa cô đặc như nhựa phenol, nhựa amin, nhựa epoxy... Nhựa epoxy được sử dụng nhiều

Vật liệu PU poam là nhựa tổng hợp dạng bọt cứng

PU foam là vật liệu khó cháy

(sau polyeste không no). Do những đặc tính cơ học cao của nhựa epoxy, người ta sử dụng nó để tạo ra các composite có độ bền cao dùng cho ngành chế tạo máy bay, tàu vũ trụ, tên lửa ... Nhựa epoxy có những đặc tính cơ học như kéo, nén, uốn, va đập và từ biến... hơn polyeste. Sợi thủy tinh, được kéo ra từ các loại thủy tinh kéo sợi (thủy tinh dệt) có đường kính nhỏ vài chục micro mét. Khi đó các sợi này sẽ mất những nhược điểm của thủy tinh khối như: giòn, dễ nứt gãy, mà trở nên có nhiều ưu điểm cơ học hơn.

2. Công nghệ thi công hầm bảo quản sản phẩm bằng vật liệu Polyurehthane và tấm ghép Composite

Để cách nhiệt hầm lạnh bằng vật liệu PU foam chúng ta tiến hành theo các bước sau:

Đầu tiên chúng ta phải tạo khuôn để phun PU đầy khoang trống đó. Khuôn được tạo thành bằng cách đóng thêm một lớp tấm composite phía trong hầm tàu để tạo thành các khoang trống với chiều dày ≥12cm bao quanh hầm tàu.

Sau đó tiến hành bơm 2 loại chất lỏng này vào khuôn bằng một máy bơm chuyên dụng. Hai chất lỏng sẽ được máy phối trộn và phản ứng với nhau giãn nở để tạo thành một chất foam có tác dụng cách nhiệt. Chất PU foam sẽ giản nở và lấp đầy các khoảng trống tạo thành một lớp PU foam dày ≥12 cm xung quanh hầm tàu.

PU foam sẽ bám chặt vào lớp ván vỏ tàu và lớp ván phía trong vỏ tàu tạo thành một khối cứng, nhẹ, cách nhiệt, không thấm nước. Lớp PU foam này vừa có tác dụng cách nhiệt, vừa có tác dụng tăng tính năng nổi của thân tàu và vừa bảo vệ tàu trong trường hợp nếu tàu bị vỡ lớp ván phía ngoài vỏ tàu thì nước cũng không thể tràn vào trong khoang tàu.

Để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, sau khi phun đầy PU foam vào khoảng trống xung quanh hầm bảo quản, phải tiến hành vệ sinh làm bóng bề mặt composite để các chất bẩn không bám bề mặt trong của hầm bảo quản.

* Ưu điểm của công nghệ này là:

- Thi công nhanh (mỗi ngày bơm PU foam được một tàu công suất từ 800 - 1.000 CV).

- Chất lượng bảo quản sản phẩm tốt: Thời gian bảo quản tăng từ 7 ngày lên trên 20 ngày, chất lượng sản phẩm vẫn đạt tiêu chuẩn xuất khẩu với tỷ lệ ướp đá là 1,5 đá : 1 cá.

- Hầm dự trữ nước đá có tỷ lệ hao hụt dưới 5% trong thời gian 20 ngày. Vì vậy tàu được trang bị hầm bảo quản bằng vật liệu PU foam sẽ chủ động thời gian lấy đá, có thể lấy đá trước mà vẫn khiến đá không bị hao hụt.

- Khi tàu về bờ nếu bị ép giá, tàu có hầm bảo quản tốt có thể để một vài ngày, khi các tàu khác bán hết sản phẩm, giá cả được nâng lên lúc đó mới bán sản phẩm.

- Tàu có hầm bảo quản tốt, khi trở về không cần phải chạy nhanh mà chỉ chạy tốc độ vừa phải (thấp ga) nên sẽ giảm được chi phí nhiên liệu.

- Vách hầm bảo quản có thể được làm bằng gỗ, composite hoặc Inox như các hình dưới đây:

3. Những lưu ý khi đóng hầm bảo quản bằng PU foam

- Vách hầm phải được gia cố chắc chắn để chịu được lực nén trong quá trình phản ứng giữa 2 chất Isocyanate và Polyol.

- Vách hầm phải thi công kín để trong quá trình phun Polyurethane không bị chảy ra ngoài gây hao hụt và kém chất lượng.

- Chiều dày của PU foam phải đạt ≥ 12 cm.

- Phải dùng Polyurethane với tỷ trọng phù hợp.

* Nếu thi công hầm bảo quản bằng vật liệu PU foam không đúng quy trình công nghệ sẽ dẫn tới các trường hợp sau:

- Pha trộn 2 chất Polyurethane không đúng tỷ lệ sẽ tạo ra chất foam không đạt chất lượng, foam có thể bị mềm, hoặc giòn quá.

- Thi công không điền đầy khoang trống từ đó dẫn đến hầm không giữ được nhiệt, foam bị thấm nước và bị teo trong quá trình sử dụng.

Vật liệu PU foam là vật liệu tối ưu để ứng dụng vào hầm bảo quản sản phẩm trên tàu cá. Hầm bảo quản bằng PU foam có thể giữ nhiệt được 1 tháng tỷ lệ hao hụt đá dưới 10%, tuổi thọ trên 15 năm. Nếu công nghệ này được ứng dụng rộng rãi thì tổn thất sau thu hoạch sẽ giảm xuống, hiệu quả kinh tế của các tàu xa bờ sẽ nâng cao. Từ đó ngư dân an tâm bám biển dài ngày. Tuy nhiên thi công hầm bảo quản bằng vật liệu PU foam đòi hỏi phải có kỹ thuật và thi công đúng quy trình mới đảm bảo chất lượng và hầm mới có tính năng giữ nhiệt tốt■

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

MỘT SỐ BIỆN PHÁP KHẨN CẤP QUẢN LÝ GIẾT MỔ, TIÊU THỤ SẢN PHẨM TỪ LỢN KHI CÓ DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Cơ sở giết mổ lợn phải đảm bảo quy định về kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y

Trong thời gian tới, nguy cơ bệnh dịch tả lợn châu Phi (DTLCP) tiếp tục phát sinh và lây lan tại địa bàn các tỉnh, thành phố là rất cao. Bộ Nông nghiệp và PTNT cảnh báo, tình hình dịch bệnh có thể phát triển theo 3 hướng: Thứ nhất, dịch bệnh dễ dàng phát tán, lây lan nhanh và lan tỏa đến các địa bàn chưa bị. Thứ 2, tái phát các ổ dịch cũ qua 30 ngày. Thứ 3, đặc biệt nguy hiểm hơn là bệnh có khả năng xâm nhiễm vào các cơ sở chăn nuôi tập trung, quy mô lớn. Để giảm áp lực về nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh từ đó giảm số lượng lợn bệnh phải tiêu hủy, góp phần giảm thiểu tổn thất về kinh tế và ô nhiễm môi trường, ngày 28/5/2019, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 3708/HD-BNN-TY hướng dẫn một số biện pháp khẩn cấp về quản lý giết mổ lợn, tiêu thụ sản phẩm từ lợn khi có bệnh DTLCP dưới sự giám sát của cơ quan thú y như sau:

1. Cơ sở được phép giết mổ lợn

Cơ sở được phép giết mổ lợn bao gồm: Cơ sở giết mổ tập trung bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thú y và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung (QCVN01-150:2017/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2017 của Bộ NN-PTNT). Cơ sở giết mổ nhỏ lẻ bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Thú y.

2. Vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ sản phẩm từ lợn

a. Đối với cơ sở giết mổ lợn tập trung trong vùng dịch

Được phép tiếp nhận, giết mổ lợn khỏe và có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP từ cơ sở chăn nuôi lợn ở trong vùng dịch, ngoài vùng dịch thuộc phạm vi trong và ngoài địa bàn cấp tỉnh.

Lợn được đưa vào cơ sở giết mổ phải bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 1/6/2016 của Bộ NN-PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

Lợn được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật Thú y và QCVN 01-100:2012/BNNPTNT (ban hành kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BNNPTNT ngày 3/7/2012 của Bộ NN-PTNT) từ cơ sở chăn nuôi đến trực tiếp cơ sở giết mổ lợn; không vận chuyển lợn đến các điểm thu gom tập trung để giảm thiểu nguy cơ lây lan mầm bệnh.

Đối với lợn xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh phải có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP trước khi vận chuyển đến cơ sở giết mổ. Cơ sở thu gom được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước và sau mỗi lần thu gom; chất thải, nước thải được xử lý đảm bảo không lây lan mầm bệnh.

Trường hợp lợn có nguồn gốc từ tỉnh khác vận chuyển đến cơ sở giết mổ, ngoài yêu cầu kiểm tra âm tính với mầm bệnh DTLCP, lợn phải được kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ NN-PTNT.

Lợn phải được kiểm soát giết mổ theo quy định tại Điều 65 Luật Thú y và Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 1/6/2016 của Bộ NN-PTNT.

Sản phẩm từ lợn sau giết mổ phải xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP và được vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng theo quy định tại

khoản 2 Điều 70 Luật Thú y, để tiêu thụ trong và ngoài vùng dịch thuộc phạm vi trong và ngoài địa bàn cấp tỉnh.

Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước khi ra khỏi cơ sở chăn nuôi, trước khi vào và ra khỏi cơ sở giết mổ lợn.

b. Với cơ sở giết mổ lợn tập trung ngoài vùng dịch

Trường hợp lợn được đưa vào cơ sở giết mổ có nguồn gốc từ vùng dịch: thực hiện theo khoản 1 mục II nêu trên. Trường hợp lợn được đưa vào cơ sở giết mổ có nguồn gốc ngoài vùng dịch: thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y.

c. Đối với cơ sở giết mổ nhỏ lẻ trong vùng dịch

Được phép tiếp nhận, giết mổ lợn khoẻ và có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP từ cơ sở chăn nuôi lợn ở trong vùng dịch và ngoài vùng dịch thuộc phạm vi địa bàn cấp tỉnh. Lợn được đưa vào giết mổ phải bảo đảm theo quy định tại Điều 4 Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 1/6/2016 của Bộ NN-PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

Lợn được vận chuyển bằng phương tiện theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật Thú y, bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y từ cơ sở chăn nuôi trực tiếp đến cơ sở giết mổ; không vận chuyển lợn đến các điểm thu gom tập trung để giảm thiểu nguy cơ lây lan mầm bệnh.

Lợn phải được kiểm soát giết mổ theo quy định tại Điều 65 Luật Thú y và Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ NN-PTNT. Sản phẩm từ lợn sau giết mổ được vận chuyển bằng phương tiện theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Thú y và phải lấy mẫu sản phẩm xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP để tiêu thụ trong và ngoài vùng dịch thuộc phạm vi địa bàn cấp tỉnh.

Phương tiện vận chuyển phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước khi ra khỏi cơ sở chăn nuôi, trước khi vào và ra khỏi cơ sở giết mổ lợn.

d. Đối với cơ sở giết mổ nhỏ lẻ ngoài vùng dịch

Trường hợp lợn được đưa vào cơ sở giết mổ có nguồn gốc từ vùng dịch: thực hiện theo khoản 3 mục II nêu trên và phải lấy mẫu sản phẩm xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP để tiêu thụ trong và ngoài vùng dịch. Trường hợp lợn được đưa vào cơ sở giết mổ có nguồn gốc ngoài vùng dịch: thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y.

3. Lấy mẫu và xét nghiệm mẫu

Việc lấy mẫu, bảo quản mẫu và vận chuyển mẫu phải tuân thủ theo QCVN 01 - 83: 2011/BNNPTNT (ban hành kèm theo Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ NN-PTNT).

Cơ quan thú y địa phương tổ chức thực hiện việc giám sát, lấy mẫu và gửi mẫu đến phòng thử nghiệm có thẩm quyền để xét nghiệm mầm bệnh DTLCP.

Trước khi vận chuyển lợn đến cơ sở giết mổ, chủ cơ sở chăn nuôi lợn phải báo cho cơ quan thú y địa phương để tổ chức giám sát và lấy mẫu xét nghiệm mầm bệnh DTLCP:

Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển dưới 100 con lợn: Lấy mẫu máu của 5 con lợn để gộp thành 1 mẫu xét nghiệm. Trường hợp cơ sở chăn nuôi có dưới 5 con lợn, thì phải lấy mẫu tất cả lợn và gộp thành 1 mẫu xét nghiệm;

Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển từ 100 đến 300 con: Lấy mẫu máu của 15 con lợn để gộp thành 3 mẫu xét nghiệm;

Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển trên 300 con: Lấy mẫu máu của 30 con lợn để gộp thành 6 mẫu xét nghiệm.

Trước khi vận chuyển lợn đến cơ sở giết mổ, chủ cơ sở thu gom, kinh doanh phải báo cho cơ quan thú y địa phương để tổ chức giám sát và lấy mẫu xét nghiệm mầm bệnh DTLCP.

Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển dưới 100 con lợn: Lấy mẫu máu của 10 con lợn để gộp thành 2 mẫu xét nghiệm. Trường hợp cơ sở thu gom, kinh doanh có dưới 10 con lợn, thì phải lấy mẫu tất cả lợn và gộp 5 mẫu thành 1 mẫu xét nghiệm; Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển từ 100 đến 300 con: Lấy mẫu máu của 30 con lợn để gộp thành 06 mẫu xét nghiệm; Đối với trường hợp xuất bán, vận chuyển trên 300 con: Lấy mẫu máu của 60 con lợn để gộp thành 12 mẫu xét nghiệm.

Đối với cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở bảo quản sản phẩm lợn sau giết mổ: cơ quan thú y có thẩm quyền tổ chức lấy ngẫu nhiên 15 mẫu sản phẩm từ lợn để gộp thành 3 mẫu xét nghiệm từ mỗi lô sản xuất.

Đối với cơ sở giết mổ nhỏ lẻ: cơ quan thú y có thẩm quyền tổ chức lấy ngẫu nhiên 5 mẫu sản phẩm từ lợn để gộp thành 1 mẫu xét nghiệm từ mỗi lô sản xuất.

Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm chỉ có giá trị với lô hàng đã đăng ký vận chuyển để giết mổ và có giá trị trong vòng 10 ngày kể từ ngày trả lời kết quả. Chủ cơ sở chăn nuôi lợn, chủ cơ sở có sản phẩm từ lợn chi trả chi phí lấy mẫu, gửi mẫu và xét nghiệm theo quy định.

4. Xử lý lợn và sản phẩm từ lợn dương tính với mầm bệnh DTLCP

Tiêu hủy ngay toàn bộ lợn tại ô chuồng nuôi, cơ sở thu gom, khu vực cách ly dương tính với mầm bệnh DTLCP; đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý ổ dịch, phòng, chống dịch bệnh theo đúng quy định. Cơ sở giết mổ lợn, cơ sở bảo quản sản phẩm từ lợn có kết quả dương tính với mầm bệnh DTLCP phải thực hiện việc tiêu hủy lợn, sản phẩm từ lợn của lô sản xuất dương tính với mầm bệnh DTLCP; ngừng sản xuất và thực hiện việc tổng vệ sinh, sát trùng liên tục trong vòng 05 ngày trước khi giết mổ, kinh doanh trở lại■

BBT *(gt)*

HƯỚNG DẪN VỆ SINH, KHỬ TRÙNG VÀ TIÊU ĐỘC PHÒNG, CHỐNG BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

Dịch tả lợn châu Phi là dịch bệnh nguy hiểm, gây thiệt hại lớn về kinh tế. Hiện nay, do chưa có vắc xin phòng bệnh nên công tác phòng, chống dịch phải được đưa lên hàng đầu, đặc biệt là công tác vệ sinh khử trùng tiêu độc.

+ Vùng dịch (xã, phường/thị trấn nơi có ổ dịch): thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng, tiêu độc 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2 - 3 tuần tiếp theo.

+ Vùng dịch nguy cơ cao (vùng bị dịch uy hiếp - phạm vi 3 km xung quanh ổ dịch): thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc liên tục 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2 - 3 tuần tiếp theo. Sử dụng các thuốc khử trùng phổ rộng và pha đúng tỉ lệ, thực hiện đúng biện pháp.

+ Vùng đệm (phạm vi 10 km xung quanh ổ dịch): thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc với tần suất 01 lần/tuần liên tục trong vòng 1 tháng kể từ khi có ổ dịch.

1. Nguyên tắc vệ sinh, khử trùng tiêu độc

- Người thực hiện khử trùng tiêu độc phải sử dụng bảo hộ lao động phù hợp.

- Hóa chất sát trùng ít độc hại đối với người, vật nuôi, môi trường; phải phù hợp với đối tượng khử trùng tiêu độc; có tính sát trùng nhanh, mạnh, kéo dài, hoạt phổ rộng, tiêu diệt được nhiều loại mầm bệnh.

- Trước khi phun hóa chất sát trùng phải làm sạch đối tượng khử trùng tiêu độc bằng biện pháp cơ học (quét dọn, cạo, cọ rửa).

- Pha chế và sử dụng hóa chất sát trùng theo hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo đảm pha đúng nồng độ, phun đúng tỷ lệ trên một đơn vị diện tích.

2. Loại hóa chất sát trùng

- Hóa chất sát trùng trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Vôi bột, vôi tôi, nước vôi, xà phòng, nước tẩy rửa.

- Loại hóa chất sát trùng khác theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương.

3. Đối tượng vệ sinh, khử trùng tiêu độc

- Cơ sở chăn nuôi lợn tập trung.

- Hộ gia đình có chăn nuôi lợn.

- Cơ sở sản xuất lợn giống.

- Cơ sở giết mổ lợn.

- Cơ sở sơ chế, chế biến thịt lợn và các sản phẩm thịt lợn.

- Chợ buôn bán lợn và sản phẩm của lợn.

- Địa điểm thu gom lợn và sản phẩm của lợn để buôn bán, kinh doanh, nơi cách ly kiểm dịch lợn và sản phẩm của lợn.

- Khu vực chôn lấp, xử lý, tiêu hủy lợn và sản phẩm của lợn nhiễm, nghi nhiễm mầm bệnh; khu vực thu gom, xử lý chất thải của lợn.

- Trạm, chốt kiểm dịch động vật, chốt kiểm soát ổ dịch.

- Phương tiện vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn.

Căn cứ đặc điểm cụ thể của địa phương, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương xác định khu vực có ổ dịch cũ, địa bàn có nguy cơ cao cần phải vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

4. Tần suất thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng

- Đối với cơ sở chăn nuôi lợn tập trung: Đột xuất khi có yêu cầu hoặc định kỳ vệ sinh khu vực chăn nuôi, định kỳ thực hiện tiêu độc khử trùng theo lịch của cơ sở và theo các đợt phát động của địa phương.

- Hộ gia đình có chăn nuôi lợn: Định kỳ vệ sinh khu vực chăn nuôi và thực hiện tiêu độc khử trùng theo các đợt phát động của địa phương.

- Cơ sở sản xuất lợn giống: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi đợt xuất chuồng và theo các đợt phát động của địa phương.

- Cơ sở giết mổ lợn: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi ca giết mổ lợn.

Hộ gia đình thường xuyên vệ sinh khu vực chăn nuôi và thực hiện tiêu độc khử trùng theo định kỳ tại địa phương

- Cơ sở sơ chế, chế biến thịt lợn, sản phẩm thịt lợn: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi ca sản xuất.

- Địa điểm thu gom, chợ buôn bán lợn và sản phẩm của lợn: Vệ sinh, tiêu độc khử trùng khu vực buôn bán lợn và sản phẩm của lợn sau mỗi phiên chợ. Nơi cách ly kiểm dịch lợn phải định kỳ thực hiện vệ sinh và tiêu độc khử trùng ít nhất 01 lần trong tuần trong thời gian nuôi cách ly lợn.

- Phương tiện vận chuyển lợn và sản phẩm của lợn: Định kỳ vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau mỗi lần vận chuyển.

- Khu vực chôn lấp, xử lý, tiêu hủy lợn, sản phẩm của lợn nhiễm, nghi nhiễm mầm bệnh; khu vực thu gom, xử lý chất thải của động vật: Vệ sinh, tiêu độc khử trùng sau khi hoàn thành việc xử lý, chôn lấp và theo các đợt phát động của địa phương.

- Trạm, chốt kiểm dịch động vật: Vệ sinh, tiêu độc khử trùng đối với phương tiện vận lợn và sản phẩm của lợn đi qua trạm kiểm dịch.

- Chốt kiểm soát ổ dịch: Vệ sinh, tiêu độc khử trùng hằng ngày đối với phương tiện vận chuyển đi qua chốt trong thời gian có dịch.

5. Trường hợp có dịch bệnh Dịch tả lợn châu Phi xảy ra trên địa bàn

Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương hướng dẫn cụ thể về đối tượng, tần suất vệ sinh, khử trùng tiêu độc trên địa bàn vùng có ổ dịch, vùng dịch và vùng bị dịch uy hiếp■

TS. HẠ THÚY HẠNH
PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
(Theo nguồn FAO và Cục Thú Y)

QUY TRÌNH SẢN XUẤT GIỐNG SẮN SẠCH BỆNH KHẢM LÁ ÁP DỤNG CHO HỘ NÔNG DÂN, CƠ SỞ SẢN XUẤT GIỐNG ĐỂ KINH DOANH

(Kỳ 1)

Để hướng dẫn canh tác sắn và sản xuất giống sạch bệnh hỗ trợ phòng chống dịch bệnh khảm lá sắn đang lây lan ở nhiều tỉnh phía Nam, ngày 29/5/2019 Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 622/TT-CLT về Quy trình canh tác sắn, quy trình sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá và quy trình tự sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá. Ban biên tập Bản tin Khuyến nông Việt Nam xin giới thiệu đến bạn đọc nội dung từng quy trình trên 03 số bản tin. Dưới đây là nội dung Quy trình sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá áp dụng cho hộ nông dân, cơ sở sản xuất giống để kinh doanh.

1. Chọn giống và nguồn giống sạch bệnh

Chọn giống sắn (khoai mì) chống chịu hoặc ít nhiễm bệnh do các cơ quan chuyên môn khuyến cáo. Tuyệt đối không sản xuất các giống sắn nhiễm bệnh. Giống cấp 1: Giống có nguồn gốc rõ ràng từ các vùng hoặc cơ sở sản xuất giống sạch bệnh, có đầy đủ thông tin, gồm: tên hộ/cơ sở sản xuất, diện tích, tên giống, nguồn gốc, kết quả giám định vi - rút khi thu hoạch (tối thiểu 30 mẫu lấy từ 30 cây ngẫu nhiên; lô giống không đạt nếu phát hiện >01 mẫu dương tính; giám định vi - rút gây bệnh khảm lá sắn phải được thực hiện tại các cơ sở có máy móc, thiết bị, dụng cụ giám định bằng phương pháp Test nhanh ELISA hoặc PCR hoặc được cơ quan chuyên môn bảo vệ thực vật (BVTV) chỉ định).

2. Chọn vùng sản xuất giống

- Chọn ruộng trồng cách ly với các khu vực đang bị bệnh (ngăn cách bằng khoảng cách địa lý, địa hình hoặc khu vực trồng cây khác). Nên trồng xen cây ngô, lạc trong ruộng sản xuất giống.

- Ruộng sản xuất giống sạch bệnh cần liền canh để thuận lợi áp dụng các biện pháp quản lý bọ phấn trắng hoặc giống được sản xuất trong nhà kính, nhà lưới đảm bảo cách ly bọ phấn trắng.

3. Thời vụ

Thời vụ trồng là vụ sản xuất chính tại địa phương để giảm áp lực bọ phấn trắng.

4. Biện pháp chăm sóc, phòng trừ bọ phấn trắng

a. Biện pháp chăm sóc

Áp dụng đầy đủ các biện pháp chăm sóc trong quy trình canh tác do Cục Trồng trọt ban hành.

b. Phòng trừ bọ phấn trắng

- Sau trồng 7 - 10 ngày, tiến hành đặt bẫy dính màu vàng xung quanh ruộng sản xuất giống với khoảng cách từ 10 - 20 m/bẫy, thường xuyên quan sát bẫy để phát hiện bọ phấn trắng trên ruộng sắn.

- Khi phát hiện bọ phấn trắng vào bẫy hoặc trên ruộng sắn thì tiến hành thu mẫu bọ phấn trắng để giám định vi-rút khảm lá sắn, nếu mẫu dương tính thì tiến hành phun thuốc bảo vệ thực vật trừ bọ phấn trắng môi giới, có thể phun phòng sớm trong điều kiện mật độ bọ phấn trắng cao, áp lực bệnh cao.

Sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được phép sử dụng hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép; phun trừ bọ phấn trắng theo nguyên tắc 4 đúng. ☞

5. Kiểm tra, tiêu hủy cây bệnh

Ngay từ khi hom sắn mọc mầm đến khi thu hoạch, định kỳ kiểm tra đồng ruộng 5 - 7 ngày/lần. Nếu phát hiện cây sắn có biểu hiện triệu chứng bệnh cần tiến hành tiêu hủy ngay bằng cách nhổ toàn bộ cây đem chôn lấp hoặc đốt.

6. Thu hoạch

Thu hoạch cây giống khi ruộng sắn đạt 8 tháng tuổi trở lên.

Trước khi thu hoạch phải:

- Kiểm tra để phát hiện cây sắn bị bệnh lần cuối cùng và tiêu hủy như trên.

- Thu mẫu cây giống để giám định vi - rút khảm lá sắn: Tối thiểu 30 mẫu trên 30 cây sắn ngẫu nhiên trong ruộng sản xuất giống sạch bệnh, nếu phát hiện > 02 mẫu dương tính với vi - rút gây bệnh khảm lá thì ruộng giống không đạt yêu cầu giống sạch bệnh.

Hom giống lấy từ 1/3 ở đoạn giữa thân cây sắn, chiều dài của hom trồng sản xuất là 20 cm, đạt tối thiểu là 6 - 10 đốt, không nên chặt hom quá ngắn hoặc quá dài. Khi chặt hom, dùng các loại dụng cụ sắc, bén để chặt và tránh làm cho hom bị thương tổn về mặt cơ giới như trầy vỏ hoặc dập phần thân gỗ của hom.

7. Bảo quản giống

Thời gian bảo quản giống không quá 30 ngày sau thu hoạch.

Bảo quản giống theo cách: bó từng bó để nằm hoặc dựng đứng cây giống trong bóng râm, hoặc có thể cắm thẳng từng cây xuống đất theo từng cụm từ 500 - 1.000 cây/cụm. Trong thời gian bảo quản cây giống có thể bị các loại côn trùng tấn công vì thế có thể sử dụng các loại thuốc diệt côn trùng phù hợp để phòng trừ.

Trong thời gian bảo quản cây giống cần thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện bọ phấn trắng thì phun trừ để chống lây nhiễm bệnh và loại bỏ cây có biểu hiện triệu chứng bệnh.

8. Ghi chép hồ sơ sản xuất và cung ứng giống

- Ghi chép toàn bộ các thông tin sản xuất giống:

+ Tên, địa chỉ cá nhân, hộ sản xuất;

+ Tên giống, nguồn gốc giống;

+ Diện tích, ngày trồng;

+ Các biện pháp quản lý bọ phấn trắng đã áp dụng (thời gian, số liệu điều tra, ngày kiểm tra tiêu hủy cây bệnh, tỷ lệ cây bị bệnh, ...);

+ Ngày phun thuốc bảo vệ thực vật, tên thuốc, lượng dùng;

+ Kết quả kiểm tra tiêu hủy lần cuối, tỷ lệ cây bị bệnh;

+ Kết quả giám định vi - rút lô giống thu hoạch;

- Thông tin người mua giống (họ tên, địa chỉ, số lượng)■

CỤC TRỒNG TRỌT

XÁC ĐỊNH CƠ CẤU MÙA VỤ LÚA PHÙ HỢP, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Để đảm bảo an ninh lương thực, đến năm 2030 diện tích đất lúa cả nước tối thiểu cần giữ là 3,2 triệu ha với diện tích gieo trồng 6 triệu ha và năng suất bình quân khoảng 6 tấn/ha, ngành nông nghiệp xác định vùng chuyên canh lúa trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), đảm bảo 2 vụ lúa năng suất cao. Ngoài hai vụ lúa chính, tùy tình hình cụ thể có thể sản xuất thêm một vụ cây trồng ngắn ngày (2 lúa luân canh rau màu, đậu) hoặc lúa vụ ba (ba vụ lúa/năm). Cơ cấu 2 vụ lúa luân canh cây ngắn ngày nên được khuyến khích, cơ cấu ba vụ lúa chỉ nên làm ở những nơi ăn chắc và khi lúa có giá tốt, luân phiên cắt vụ ba để lấy phù sa. Diện tích nên giữ ổn định khoảng 800.000 ha và trồng giống lúa thơm cao sản và lúa chất lượng cao.

1. Cơ cấu mùa vụ lúa phù hợp, thích ứng với biến đổi khí hậu

Tùy theo cơ cấu mùa vụ và tập quán canh tác của từng vùng sản xuất để có sự điều chỉnh cho phù hợp.

+ Cơ cấu 2 vụ lúa: đông xuân - hè thu;

+ Cơ cấu 3 vụ lúa: đông xuân - hè thu - thu đông;

+ Cơ cấu 2 lúa - 1 màu: đông xuân - hè thu - màu hoặc màu - hè thu - thu đông ... Xác định thời vụ của vụ trước sẽ liên quan đến thời vụ của vụ sau (cơ cấu 2 vụ lúa chủ động lịch thời vụ hơn cơ cấu 3 vụ).

Tùy thuộc vào đặc điểm đất đai của từng vùng, đất phèn, đất nhiễm mặn, đất gò cao, triền, trũng… (đất gò cao xuống giống sớm hơn đất triền, trũng trong vụ đông xuân nhưng xuống giống muộn hơn trong vụ hè thu. Đất nhiễm phèn, mặn phải có thời gian rửa phèn mặn trước khi xuống giống) để xác định cơ cấu mùa vụ phù hợp.

2. Khung thời vụ chính đề nghị cho các vụ

**** Vùng 2 vụ lúa:*** Vụ đông xuân - hè thu:

+ Vụ đông xuân: từ 1/11 đến 30/12.

+ Vụ hè thu: từ 1/5 đến 30/6.

- Vụ hè thu - mùa:

+ Vụ hè thu: từ 15/4 đến 15/5.

+ Vụ mùa: Giống địa phương: mạ tháng 7, cấy tháng 8, 9. Giống cao sản: xuống giống 15/8 đến 15/9.

**** Vùng 3 vụ lúa:*** đông xuân - hè thu - thu đông.

- Vụ đông xuân: từ 10/11 đến 30/12.

- Vụ hè thu: Từ 15/4 đến 15/5.

- Vụ thu đông: Từ 20/7 đến 20/8.

Các tỉnh thiết lập thời vụ xuống giống hàng tháng cho các huyện, xã trong tỉnh gồm: diện tích, vùng xuống giống, thời gian xuống giống, cơ cấu giống theo thời vụ chính đề nghị nêu trên.

Ngoài khung thời vụ chính, việc bố trí xuống giống theo các tháng trong năm phải được lập kế hoạch và theo dõi chặt chẽ, thống kê đầy đủ và có các giải pháp chỉ đạo phù hợp.

3. Cơ cấu giống lúa

Giống lúa phải đáp ứng những yêu cầu: cho năng suất cao và ổn định, có khả năng kháng một số sâu, bệnh chính trong vùng, chống chịu được các điều kiện ngoại cảnh bất lợi, thích hợp với điều kiện canh tác từng vùng, giống lúa phải có phẩm chất tốt, đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

**** Vụ đông xuân***

- Cơ cấu nhóm giống lúa chính:

+ Nhóm giống lúa chủ lực: OM5451, Đài Thơm 8, OM6976, OM4900, OM7347, OM4218, IR50404...

+ Nhóm giống lúa nếp và thơm đặc sản: Jasmine 85, VD20, ST5, RVT, Nàng Hoa 9, nếp IR4625, nếp Bè...

+ Nhóm giống chất lượng trung bình có thể duy trì với tỉ lệ 15% trong cơ cấu giống.

- Một số giống lúa chịu mặn:

+ Đa số các giống cải tiến ngắn ngày OM6976, OM5451, OM9921, OM5621, OM6677, ST5... chỉ chịu được mặn ở mức độ trung bình - khá (từ 2 - 3‰); khi độ mặn từ 4‰ trở lên năng suất giảm, không đạt hiệu quả kinh tế.

+ Các giống lúa chịu mặn ở mức độ khá hơn (khoảng 4‰): Một bụi đỏ, OM2517, OM9577, OM5464... nhưng không vượt ngưỡng 5‰.

Việc sử dụng giống cho vùng xâm nhập mặn hiện nay nên sử dụng giống lúa cực ngắn ngày, chịu mặn ở mức khá, kết hợp với bố trí thời vụ để né mặn đỉnh cao giai đoạn trỗ bông.

- Cơ cấu giống lúa cho các tiểu vùng sinh thái:

+ Vùng tây sông Hậu và Tứ giác Long Xuyên: Ưu tiên các giống lúa có khả năng thâm canh cao, chất lượng khá - tốt: OM 4900, OM 7347, OM 6976, OM 4218, OM 5451, Đài thơm 8, Jasmine 85..

+ Vùng Đồng Tháp Mười: Ưu tiên các giống lúa cực ngắn ngày, chịu phèn mặn trung bình - khá: IR 50404, VD 20, OM 6976, OM 4218, OM 4900, OM 5451, Đài Thơm 8,...

+ Vùng phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu: Ưu tiên các giống lúa cao sản chất lượng cao: Jasmine 85, OM 4900, OM 6976, OM 4218, OM 5451, Đài Thơm 8,...

+ Vùng ven biển Nam Bộ: Ưu tiên giống ngắn ngày, chịu được điều kiện khó khăn: OM 4900, OM 6976, OM 5451, Đài Thơm 8, IR 50404...

**** Vụ hè thu***

- Cơ cấu nhóm giống lúa chính:

+ Nhóm giống lúa CLC: OM5451, OM6976, OM4900, OM7347, OM4218 chiếm tỉ lệ 50 - 60%.

+ Nhóm giống thơm: Jasmine 85, VD20, ST21, ST 24, RVT, Nàng Hoa 9, Đài Thơm 8... chiếm tỉ lệ 20-25%.

+ Nhóm nếp: IR 4625, nếp bè... chiếm tỉ lệ 5 - 7%.

+ Các giống lúa Japonica: chiếm tỉ lệ 5 - 7%.

+ Nhóm giống chất lượng trung bình: IR 50404, OM 576... có thể duy trì tỉ lệ 15% trong cơ cấu giống.

- Các giống lúa chống chịu phèn mặn:

+ Các giống lúa chịu mặn trung bình (khoảng 2‰): OM6976, OM5451, OM9921, OM6677...

+ Các giống lúa chịu mặn khá (<4‰): Một bụi đỏ, OM2517, OM9577, OM9955, OM6677, OM5464, OM5464, GKG1....

- Cơ cấu giống lúa cho các tiểu vùng sinh thái:

+ Vùng tây sông Hậu và Tứ giác Long Xuyên: Sử dụng các giống lúa thâm canh cao, chất lượng khá - tốt:

▪ Giống chủ lực: OM5451, OM4900, OM6976, OM2517, OM7347, Đài Thơm 8 và IR50404...

▪ Giống bổ sung: OM2717, OM6162, AS996, RVT, OM4218, Jasmine 85,..

+ Vùng Đồng Tháp Mười: Sử dụng giống lúa cực ngắn ngày, chịu phèn mặn trung bình - khá:

▪ Giống chủ lực: IR50404, OM4218, OM5451, OM6976, OM4900...

▪ Giống bổ sung: OM576, VD20, OM7347, Jasmine 85, Nàng Hoa 9...

+ Vùng phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu: Sử dụng giống lúa cao sản chất lượng cao:

▪ Giống chủ lực: OM4900, OM6976, OM4218, OM5451, Đài Thơm 8, Jasmine 85...

▪ Giống bổ sung: OM7347, VNĐ95 - 20, Nàng Hoa 9, OM6162, VD20, RVT...

+ Vùng ven biển Nam Bộ: Sử dụng giống ngắn ngày, thâm canh trung bình - khá, chịu được điều kiện khó khăn:

▪ Giống chủ lực: OM2517, OM576, AS996, OM5451, OM6976, OM5472...

▪ Giống bổ sung: ST5, ST24, OM576, Jasmine 85, OM4900, OM7347, RVT...

Khi bố trí thời vụ cần theo dõi khuyến cáo và dự báo của ngành bảo vệ thực vật để hạn chế sự lây lan và gây hại của sâu bệnh. Sắp xếp và điều chỉnh mùa vụ lúa cần được sự đồng tình của nông dân, tuyên truyền và khuyến cáo sâu rộng trong nông dân để điều chỉnh thời vụ hợp lý, tránh trường hợp cứng nhắc gây thiệt hại cho một bộ phận nông dân sẽ làm ảnh hưởng đến việc chỉ đạo thời vụ chung■

CỤC TRỒNG TRỌT

? TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: ***Gà nhà tôi nuôi được 45 đến 55 ngày tuổi thì bị chết. Ban đầu, gà có biểu hiện bỏ ăn, mồng gà tái. Mổ ra thịt vàng có chấm máu đỏ, khoang bụng có dịch vàng nhiều, bị xuất huyết vùng trên cơ bụng. Xin chuyên gia hướng dẫn giải pháp để trị bệnh?***

Phan Thị Lợi
Email: tranquoctoan804480gmail.com

Đáp: Với biểu hiện như vậy, nếu máu loãng khó hoặc không đông thì có thể gà mắc bệnh ký sinh trùng đường máu. Đây là bệnh do đơn bào ký sinh, bệnh truyền qua muỗi, dĩn.

Nên phối hợp điều trị: dùng sulfamonomethoxine và Doxycyclin, liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất; Kết hợp bổ sung vitamin, men tiêu hóa, thuốc trợ sức, trợ lực cho gà.

Khi điều trị bệnh, việc tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, cải thiện môi trường chăn nuôi, tăng vệ sinh, đặc biệt phát quang cây cối, phá những nơi cư trú và sinh sản của muỗi là điều quan trọng, giúp gà tránh tái nhiễm bệnh.

Thực hiện vệ sinh phòng bệnh, phát quang cây cối, phá những nơi cư trú và sinh sản của muỗi. Phòng các bệnh khác bằng vắc - xin theo lịch trình.

Hỏi: ***Xin hỏi quý báo nên dùng loại giá thể nào để trồng rau mầm hiệu quả mà lại dễ tìm trong tự nhiên?***

Anh Ngọc
Email: anhngocpc @gmail.com

Đáp: Rau mầm được sản xuất từ các hạt giống rau thông thường như: hạt cải củ, cải ngọt, cải xanh, rau muống, đậu tương, đậu đen, lạc… trong đó phổ biến là hạt cải củ. Có nhiều loại giá thể trồng rau mầm như: đất sạch hữu cơ (được sản xuất từ xơ dừa) như đất sạch Eco N1, Super soil...

Lưu ý: Giá thể không dùng trực tiếp từ xơ dừa mà phải qua quy trình xử lý. Vì sản xuất rau mầm chỉ trong thời gian ngắn (5 - 7 ngày), hơn nữa quy trình sản xuất rau mầm trong điều kiện môi trường sạch, không có mầm bệnh và vi sinh vật gây hại nên không cần bổ sung bất kỳ loại phân bón nào. Mầm rau phát triển nhờ nguồn dinh dưỡng từ hạt rau và nước tưới nên có thể sản xuất rau mầm với cát sạch hoặc hiện nay có thể sản xuất rau mầm không cần giá thể.

Hỏi: ***Trên da cá lóc bông xuất hiện các mảng đỏ, đuôi và vây bị hoại tử, mắt cá bị đục, cá chết rất nhiều. Xin hỏi quý báo nguyên nhân và biện pháp khắc phục?***

Trần Văn Hiệp - Hà Tiến, Hà Trung, Thanh Hóa

Đáp: Theo mô tả, cá lóc bông có thể đã bị bệnh nhiễm khuẩn, tác nhân là vi khuẩn Aeromonas hydrophila gây ra. Vi khuẩn luôn có trong nước chứa nhiều chất hữu cơ, nhất là khi trong ao dư thừa thức ăn. Cá con dễ nhiễm bệnh hơn cá trưởng thành, bệnh có thể gây chết đến 80% số cá trong ao hoặc trong bể ương. Khi bị nhiễm bệnh, da cá có màu sẫm lại, lan ra vùng bụng và các phần khác trên cơ thể, xuất hiện từng mảng đỏ trên thân, có các khối u trên bề mặt cơ thể, xoang bụng chứa dịch, nội tạng bị hoại tử.

Để điều trị bệnh, dùng một trong các loại thuốc kháng sinh sau trộn vào thức ăn, liều lượng như sau: Kanamycin: 50 mg/kg thể trọng cá, liên tục 7 ngày; Nhóm Sulfamit: 150 - 200 mg/kg thể trọng cá, cho ăn 7 - 10 ngày. Trong thời gian dùng thuốc trị bệnh, tăng cường sức đề kháng cho cá bằng cách trộn Vitamin C vào thức ăn, liều lượng 20 mg/kg. Cùng đó, cần cải thiện chất lượng nước, thay nước mới sạch, đảm bảo hàm lượng ôxy hoà tan trên 4 mg/lít.

Để phòng bệnh, không nuôi cá với mật độ quá cao. Tránh để cá bị sây sát khi kéo lưới kiểm tra cá, đảm bảo môi trường nuôi không bị nhiễm bẩn do dư thừa thức ăn và từ các nguồn nước thải khác… Dùng thuốc tím ($KMnO_4$) định kỳ 2 tuần/lần tắm cho cá, liều dùng 10 ppm (10 g/m^3 nước) đối với cá nuôi bè, sau 3 ngày dùng lặp lại.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

BÌNH THUẬN: THANH LONG NGHỊCH VỤ ĐƯỢC GIÁ

Hiện nay thanh long Bình Thuận đang ở cuối mùa chong đèn nghịch vụ. Giá thanh long liên tục tăng từ đầu tháng 5 đến nay và đang giữ mức cao lâu nhất trong thời gian qua.

Theo các chủ vựa thanh long tại địa bàn Bình Thuận, hiện thanh long loại thường có giá 15.000 - 16.000 đồng/kg, thanh long đẹp giữ mức ổn định từ 26.000 đồng - 27.000 đồng/kg. Nông dân ở thôn Trũng Liêm, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc cho biết, cách đây vài năm giá thanh long chong đèn nghịch vụ có lúc lên cao, nhưng chỉ dừng ở mức từ 20.000 - 22.000 đồng/kg nhưng giá thanh long nghịch vụ thường không ổn định. Nếu so với thời điểm này của năm 2018, giá thanh long chỉ ở mức 5.000 - 6.000 đồng/kg thì thời điểm hiện tại đã tăng gấp 4 - 5 lần. Thanh long VietGAP đạt chuẩn xuất khẩu còn cao hơn rất nhiều từ 40.000 đồng trở lên, tuy nhiên cũng trong tình trạng khan hiếm nguồn cung.

Toàn tỉnh Bình Thuận hiện có khoảng 30.000 ha thanh long, tổng sản lượng hơn 500.000 tấn/năm mang lại nguồn thu nhập cao cho nông dân trong tỉnh. Thanh long Bình Thuận đã có mặt hầu hết trên các thị trường trong nước và xuất khẩu đi nhiều thị trường khó tính trên thế giới.

Theo Baotintuc

GIÁ ỚT TĂNG ĐẠT MỨC CAO

Gần 1 tháng nay, giá ớt tại Đồng bằng sông Cửu Long liên tục tăng cao, hiện ở mức 40.000 - 45.000 đồng/kg - tăng cao gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên nhiều nhà vườn không đủ nguồn cung cấp cho các đại lý.

Các giống ớt được trồng phổ biến nhất là Chánh Phong, Thiên Ngọc, Sen Hồng, Hai Mũi Tên, Sừng Trâu, Chỉ Thiên, Tên Lửa 106…. Một gia đình ở xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết, gia đình có 4 công đất trồng ớt, vụ ớt năm nay thu hoạch gần 2 tháng qua và sắp bước vào cuối vụ. Đặc biệt, đầu vụ thu hoạch hồi tháng 5, giá bán cho thương lái hơn 20.000 đồng/kg nhưng đến đầu tháng 6 thương lái đến tận nơi mua với giá 45.000 đồng/kg, cao gấp đôi so với cùng thời điểm này năm ngoái. Tại các tỉnh miền Bắc, vụ ớt năm nay cũng được mùa, được giá. Cụ thể như tại tỉnh Lạng Sơn, những người dân ở huyện Chi Lăng cũng phấn khởi khi ớt chín, sau khi thu hái được các tư thương thu mua ngay tại ruộng dao động từ 50.000 - 75.000 đồng/kg, cao gấp 3 - 4 lần so với cùng kỳ.

Theo các thương lái, thời điểm này ớt đang vào cuối vụ thu hoạch nên năng suất giảm. Trong khi đó thị trường tiêu thụ mạnh, nhất là nhu cầu thu mua để xuất khẩu sang Trung Quốc bằng con đường tiểu ngạch.

Theo Vinanet

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

BỜ BIỂN NGÀ SẼ GIẢM SẢN LƯỢNG HẠT ĐIỀU TRONG NĂM NAY

Sản lượng hạt điều của Bờ Biển Ngà - nước sản xuất điều hàng đầu thế giới - năm 2019 dự báo sẽ giảm xuống còn 730.000 tấn, từ mức 761.000 tấn năm 2018 do thời tiết xấu. Đây là thông tin được đưa ra bởi Giám đốc Ủy ban Bông và Hạt điều quốc gia nước này - Adama Coulibaly.

Ông này cũng cho biết thêm rằng thị trường hạt điều đang trầm lắng hơn nhiều so với cùng kỳ năm ngoái do người trồng điều nước này thiếu tài chính và các khách hàng Việt Nam và Ấn Độ đều chỉ mua cầm chừng. Bờ Biển Ngà đã hạ giá bán hạt điều trong năm 2019 (giao tại vườn) từ 500 francs CFA/kg xuống 375 Francs CFA/kg.

Năm ngoái, giá điều quốc tế giảm mạnh và các nước xuất khẩu như Bờ Biển Ngà đã giảm giá thu mua điều của người trồng. Việt Nam và Ấn Độ là những thị trường tiêu thụ điều chủ yếu của nước này. Vụ thu hoạch điều ở Bờ Biển Ngà bắt đầu từ giữa tháng 2 và kết thúc vào cuối tháng 12 hàng năm.

Theo Vinanet

BANGLADESH TĂNG THUẾ NHẬP KHẨU VÀ XÓA BỎ LỆNH CẤM XUẤT KHẨU GẠO

Bangladesh là nước sản xuất gạo lớn thứ 4 thế giới. Nhập khẩu gạo của nước này biến động mạnh trong những năm gần đây.

Năm 2017 - 2018 nước này nhập khẩu trên 3 triệu tấn gạo do sản lượng năm đó sụt giảm mạnh khiến Chính phủ phải hạ thuế nhập khẩu gạo xuống chỉ 2%. Năm 2018, khi sản lượng gạo hồi phục dần, Chính phủ đã tăng thuế nhập khẩu gạo lên 28%. Đó cũng là lý do khiến nhập khẩu gạo giảm đáng kể. Năm 2019, do sản lượng tăng mạnh nên chính sách của nước này là giảm nhập khẩu hơn nữa. Do đó, tháng 5/2019, Chính phủ tiếp tục nâng thuế nhập khẩu gạo lên 55. Điều này gây thiệt hại lớn cho Ấn Độ - nhà cung cấp gạo chính của Bangladesh.

Nguồn cung gạo dồi dào khiến Bangladesh còn sẵn sàng xóa bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo phi - basmati - đã áp dụng trong suốt hơn 1 thập kỷ qua. Tuy nhiên, mong muốn xuất khẩu gạo của Bangladesh không dễ thực hiện do sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế mà giá gạo Bangladesh lại cao dù đã giảm nhiều so với trước đây.

Theo Vinanet